



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 13 + 14

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

26/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 04/2026/QĐ-UBND quy định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La.	4
------------	--	---

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

UBND TỈNH

20/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 144/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La.	12
21/01/2026	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 04/CT-UBND về việc tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026.	28
22/01/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 179/QĐ-UBND phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng và cấp Giấy Chứng nhận sản phẩm tham gia Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tỉnh Sơn La năm 2025 (lần 2)	31
23/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 191/QĐ-UBND về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.	37
23/01/2026	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 05/CT-UBND về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026	66

24/01/2026	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 06/CT-UBND về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La	70
25/01/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 194/QĐ-UBND giao Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư đối với một số dự án có tổng mức đầu tư không quá 5 tỷ đồng khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp	74
25/01/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 196/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Sơn La năm 2026	80
26/01/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 217/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Sơn La.	85
27/01/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 239/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2026.	100
28/01/2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 333/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý năm 2026.	107
30/01/2026	Quyết định của UBND tỉnh số 357/QĐ-UBND điều chỉnh kết quả phân định thôn/bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn/bản đặc biệt khó khăn phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La	114

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2026/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức chi cho hoạt động phòng,
chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 02/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định về công tác gia đình; Căn cứ Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống bạo lực gia đình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

UBND ban hành Quyết định quy định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Hiệu lực thi hành Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Mức chi cho hoạt động phòng,
chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2026/QĐ-UBND
ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức chi thực hiện cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập được giao nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Người bị bạo lực gia đình.

3. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình.

Điều 3. Chi hoạt động thông tin, truyền thông, giáo dục

1. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục thông qua hình thức hội nghị, hội thảo, tập huấn, nói chuyện chuyên đề

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng

Nội dung và mức chi nhuận bút xây dựng bản tin, phóng sự, tọa đàm về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện theo quy định Điều 7, Điều 10, Nghị định số 18/2014/NĐ-CP quy định về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

3. Chi thông tin, truyền thông, giáo dục thông qua loa truyền thanh

Nội dung và mức chi nhuận bút xây dựng bản tin, phóng sự, tọa đàm về phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Chi sản xuất và phát hành băng rôn, panô, áp-phích, tranh cổ động

Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, quy định của pháp luật về đấu thầu và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

5. Chi tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, tiểu phẩm tại cộng đồng

- a) Bồi dưỡng luyện tập chương trình mới: 60.000 đồng/người/buổi; số buổi luyện tập tối đa cho một chương trình là 10 buổi;
- b) Bồi dưỡng trong chương trình biểu diễn: 160.000 đồng/người;
- c) Bồi dưỡng người dẫn chương trình: 300.000 đồng/buổi;
- d) Chi xăng xe hoặc thuê phương tiện, chụp ảnh tư liệu, thiết bị, dụng cụ và các khoản thuê khác

Mức chi theo thực tế căn cứ vào hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương và quy định của pháp luật.

6. Chi tổ chức chiến dịch truyền thông tại cộng đồng

- a) Chi xây dựng kịch bản: 500.000 đồng/kịch bản;
- b) Bồi dưỡng người dẫn chương trình: 300.000 đồng/người/buổi;
- c) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp tham gia chiến dịch truyền thông tại cộng đồng: 50.000 đồng/người/buổi;
- d) Biểu diễn văn nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều này;
- đ) Chi xăng xe hoặc thuê phương tiện, chụp ảnh tư liệu, thiết bị, dụng cụ và các khoản thuê khác

Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, giá thị trường tại địa phương và được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

7. Chi biên soạn tài liệu mẫu để tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 76/2018/TT-BTC hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Điều 4. Chi tổ chức thi tìm hiểu về phòng, chống bạo lực gia đình

- 1. Biên soạn đề thi và đáp án: 1.000.000 đồng/đề thi kèm đáp án.
- 2. Bồi dưỡng chấm thi, Ban Giám khảo cuộc thi, xét công bố kết quả thi: 250.000 đồng/người/buổi.
- 3. Bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức, thư ký cuộc thi: 200.000 đồng/người/ buổi.
- 4. Chi giải thưởng:

Mỗi cuộc thi có tối đa 01 giải nhất, 02 giải nhì, 03 giải ba, 03 giải khuyến khích, mức chi các giải thưởng như sau:

- a) Chi giải nhất:
 - Giải tập thể: cấp tỉnh tổ chức 10.000.000 đồng/giải thưởng; cấp xã tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng;
 - Giải cá nhân: cấp tỉnh tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức: 2.500.000 đồng/giải thưởng.

b) Chi giải nhì:

- Giải tập thể: cấp tỉnh tổ chức 5.000.000 đồng/giải thưởng; cấp xã tổ chức 2.500.000 đồng/giải thưởng;

- Giải cá nhân: cấp tỉnh tổ chức 3.000.000 đồng/giải thưởng; cấp xã tổ chức 1.250.000 đồng/giải thưởng.

c) Chi giải ba

- Giải tập thể: cấp tỉnh tổ chức 3.000.000 đồng/giải thưởng; cấp xã tổ chức 1.250.000 đồng/giải thưởng;

- Giải cá nhân: cấp tỉnh tổ chức 2.000.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 700.000 đồng/giải thưởng.

d) Chi giải khuyến khích

- Giải tập thể: cấp tỉnh tổ chức 2.000.000 đồng/giải thưởng; cấp xã tổ chức 750.000 đồng/giải thưởng;

- Giải cá nhân: cấp tỉnh tổ chức 1.000.000 đồng/giải thưởng, cấp xã tổ chức 350.000 đồng/giải thưởng.

5. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thành viên ban tổ chức, thành viên hội đồng thi trong những ngày tổ chức cuộc thi:

- Đối với thành viên Ban Tổ chức, thành viên hội đồng thi là cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND.

- Đối với thành viên Ban tổ chức, thành viên hội đồng thi là đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND.

6. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thí sinh tham gia cuộc thi (*kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày*), áp dụng mức chi hỗ trợ tiền ăn nghỉ đối với đại biểu không hưởng lương

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND. Những người đã được hưởng khoản hỗ trợ nêu trên thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan, đơn vị.

7. Chi thuê dẫn chương trình: 1.000.000 đồng/người/buổi.

8. Chi thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu

Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

9. Thuê diễn viên biểu diễn văn nghệ:

a) Cá nhân 300.000 đồng/người/tiết mục;

b) Tập thể 3.000.000 đồng/tập thể/tiết mục và 300.000 đồng/người/tiết mục tập thể.

10. Chi tổng hợp báo cáo kết quả cuộc thi:

a) Đối với cuộc thi cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/báo cáo;

b) Đối với cuộc thi cấp xã: 1.000.000 đồng/báo cáo;

11. Chi hợp báo thông cáo báo chí về cuộc thi

a) Chi xây dựng thông cáo báo chí: 1.000.000 đồng/thông báo.

b) Chi thù lao cho phóng viên báo chí được mời tham dự họp báo: 100.000 đồng/người/buổi họp báo.

c) Chi cho người chủ trì họp báo: 300.000 đồng/buổi họp báo.

d) Chi cho người tham gia trả lời câu hỏi của phóng viên, báo chí tại buổi họp báo: 200.000 đồng/người/buổi họp báo.

Điều 5. Mức chi xây dựng, triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình

1. Chi nghiên cứu xây dựng mô hình phòng, chống bạo lực gia đình

Nội dung và mức chi các hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 14/2016/NQ-HĐND quy định mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Sơn La; Thông tư số 109/2016/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 37/2022/TT-BTC.

2. Chi soạn thảo mô hình: 10.000.000 đồng/mô hình

3. Chi cho người tham gia triển khai thực hiện mô hình

Mức chi theo thực tế số ngày tham gia: 100.000 đồng/người/ngày hoặc khoán chi 1.000.000 đồng/ người/tháng.

4. Các khoản chi khác thực hiện theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

Điều 6. Chi hoạt động tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình

1. Chi hỗ trợ thiết lập phòng, bộ phận tư vấn (*điện thoại, máy tính, thiết bị, vật tư*): Thực hiện theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Mức chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp nhưng không vượt mức tối đa quy định tại Mục VIII, phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

2. Chi biên soạn tài liệu mới; chỉnh sửa, bổ sung cập nhật tài liệu phù hợp với nội dung tư vấn

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC.

3. Chi thù lao cho nhân viên tư vấn theo chế độ hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc

Mức chi theo thỏa thuận dựa trên năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền công đối với hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc.

4. Chi các khoản điện, nước, văn phòng phẩm, phô tô tài liệu phục vụ hoạt động tư vấn

Mức chi theo hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương nhưng tối đa không quá 2.500.000 đồng/tháng/cơ sở.

Điều 7. Chi giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình

1. Chi biên soạn tài liệu giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC.

2. Chi biên soạn bộ câu hỏi trắc nghiệm để nhận diện hành vi bạo lực gia đình và đánh giá về kiến thức, kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực gia đình; kỹ năng ứng phó với hành vi bạo lực gia đình (*soạn thảo câu hỏi thô; rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa được quản lý trên phần mềm máy tính*)

Tiền công soạn thảo câu hỏi thô: 70.000 đồng/câu; rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa: 10.000 đồng/câu.

3. Chi phổ biến pháp luật trực tiếp cho người có hành vi bạo lực gia đình

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 132/2025/NQ-HĐND.

Điều 8. Chi hỗ trợ cho người bị bạo lực gia đình

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn tâm lý, cung cấp kỹ năng ứng phó với bạo lực gia đình cho người bị bạo lực gia đình, người có hành vi bạo lực gia đình: 220.000đ/người/lần tư vấn.

2. Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu khi thực hiện cảm tiếp xúc, việc hỗ trợ áp dụng như quy định đối với đối tượng bảo trợ xã hội

Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 7 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp người bị bạo lực gia đình bị tổn hại sức khỏe được chăm sóc, điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BYT quy định quy trình tiếp nhận, chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám chữa bệnh.

Điều 9. Chi hỗ trợ bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng và thiệt hại về tài sản cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

1. Chi hỗ trợ bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

a) Cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình thuộc đối tượng đang tham gia bảo hiểm xã hội được Quỹ bảo hiểm y tế chi trả theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế; Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả chế độ trợ cấp tai nạn lao động, hưu trí, tử tuất theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, vệ sinh, an toàn lao động;

b) Cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình được đơn vị sử dụng lao động chi trả các chế độ theo quy định của pháp luật về vệ sinh, an toàn lao động.

c) Trường hợp cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình thuộc đối tượng khác được hỗ trợ theo chính sách trợ giúp xã hội khẩn cấp hoặc được hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội: Áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung bởi Điều 7 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP.

2. Chi hỗ trợ bù đắp thiệt hại về tài sản cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

Cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình khi trực tiếp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình mà bị thiệt hại về tài sản nhưng người gây thiệt hại không có khả năng bồi thường thiệt hại thì được Nhà nước hỗ trợ bù đắp đối với tài sản bị thiệt hại. Mức hỗ trợ bù đắp đối với tài sản bị thiệt hại do Hội đồng xác định mức độ hỗ trợ thiệt hại cho cá nhân tham gia phòng, chống bạo lực gia đình xác định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 39 Nghị định số 76/2023/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 9 Nghị định số 137/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

Điều 10. Chi phát triển mạng lưới cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng

1. Cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng được hưởng chế độ bồi dưỡng hàng tháng quy định tại Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Hằng năm, cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao và du lịch tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình về công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình. Mức chi áp dụng theo quy định khoản 8 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 123/2025/NQ-HĐND quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình được tham dự các cuộc thi, hội nghị, hội thảo trong khu vực, liên khu vực để trao đổi kinh nghiệm công tác, được hưởng các chính sách theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và pháp luật có liên quan.

4. Mỗi cộng tác viên dân số tham gia công tác gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình được trang bị dụng cụ, công cụ phù hợp với điều kiện và khả năng tài chính của địa phương để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 02/2021/TT-BYT quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.

Điều 11. Chi hoạt động phối hợp liên ngành, sơ kết, tổng kết

1. Chi tổ chức cuộc họp, hội nghị triển khai nhiệm vụ, sơ kết, tổng kết, tập huấn nghiệp vụ về phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Chi bồi dưỡng cho đại biểu: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Chi xây dựng báo cáo chuyên đề: Cấp tỉnh 4.000.000 đồng/báo cáo. Cấp xã 2.000.000 đồng/báo cáo.

c) Chi xây dựng báo cáo sơ kết: Cấp tỉnh 5.000.000 đồng/báo cáo. Cấp xã 2.500.000 đồng/báo cáo.

d) Chi xây dựng báo cáo tổng kết: Cấp tỉnh 6.000.000 đồng/báo cáo. Cấp xã 3.000.000 đồng/báo cáo.

đ) Chi bồi dưỡng viết bài tham luận, bài kỷ yếu hội nghị sơ kết, tổng kết: Cấp tỉnh 1.000.000 đồng/bài tham luận, cấp xã 500.000 đồng/bài tham luận.

e) Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu và các khoản chi khác có liên quan: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hàng năm.

2. Chi công tác kiểm tra, giám sát theo chương trình, kế hoạch công tác; tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống bạo lực gia đình trong khu vực, liên khu vực

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Đối với các khoản chi có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

3. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về UBND tỉnh để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 144/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu
tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 132/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHCN ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Kết luận số 21-KL/TU ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sắp xếp tổ chức bên trong các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 451/TTr-SKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược, phát triển tiềm lực khoa học và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin; công nghiệp công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin; giao dịch điện tử; chính quyền số; kinh tế số, xã hội số và chuyển đổi số; hạ tầng

thông tin truyền thông; quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chấp hành sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và hoạt động của UBND tỉnh theo thẩm quyền; đồng thời chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở và các văn bản khác theo phân công của UBND tỉnh;

b) Dự thảo kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về ngành, lĩnh vực trên địa bàn cấp tỉnh trong phạm vi quản lý của Sở;

c) Dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở; dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục thuộc Sở (nếu có), Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở (nếu có);

d) Dự thảo Quyết định thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và theo phân cấp, phân quyền.

2. Trình Chủ tịch UBND tỉnh dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND tỉnh theo phân công.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về đăng ký, cấp, cấp lại, thu hồi, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy đăng ký, văn bằng, chứng chỉ và các giấy tờ khác thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, phân quyền của cấp có thẩm quyền.

5. Lập kế hoạch, dự toán và xây dựng đề xuất cơ cấu chi, tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hằng năm dành cho ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý trên cơ sở tổng hợp kế hoạch, dự toán của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan. Theo dõi, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra việc sử dụng ngân sách nhà nước của ngành, lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định.

6. Về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Hướng dẫn thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thúc đẩy việc phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật chủ lực của địa phương trên cơ sở ứng dụng, đổi mới và làm chủ công nghệ, phát triển công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ chiến lược và thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

b) Quản lý hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực, ngành kinh tế - kỹ thuật thuộc phạm vi địa phương; hướng dẫn UBND cấp xã về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

c) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về công nghệ cao; tổ chức thực hiện việc chứng nhận các hoạt động công nghệ cao, chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao theo phân cấp, phân quyền; xây dựng cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin về công nghệ cao trong phạm vi thẩm quyền được giao;

d) Tổ chức việc xác định, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định; theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả việc chuyển quyền sở hữu và quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước. Khai thác, ứng dụng, thương mại hóa công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; công bố, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi thẩm quyền;

đ) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện và sau nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp; tổ chức đánh giá độc lập kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tài sản trí tuệ theo quy định của pháp luật;

e) Hướng dẫn, quản lý việc đăng ký và kiểm tra hoạt động đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ thuộc phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

g) Xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển hoạt động nghiên cứu ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, ươm tạo công nghệ;

h) Hỗ trợ tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện việc đánh giá công nghệ, đổi mới công nghệ, tìm kiếm công nghệ, chuyển giao, giải mã và làm chủ công nghệ, khai thác sáng chế; hướng dẫn, đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và xây dựng định hướng phát triển công nghệ, lộ trình đổi mới công nghệ của địa phương theo quy định của pháp luật;

i) Tiếp nhận hoặc hướng dẫn tiếp nhận kết quả nghiên cứu, tổ chức ứng dụng, đánh giá kết quả/hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do UBND tỉnh đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi nhiệm vụ được đánh giá, nghiệm thu;

k) Hướng dẫn, quản lý hoạt động đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ trên địa bàn; chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, chứng nhận chuyển giao công nghệ, khuyến khích chuyển giao theo phân cấp; tổ chức thực hiện việc xác định dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên; tổ chức việc giám định chất lượng và giá trị máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền; thẩm định, có ý kiến về công nghệ của các dự án đầu tư theo phân cấp; thẩm định, có ý kiến về nội dung khoa học và công nghệ các quy hoạch, các chương trình, đề án nghiên cứu khoa học và công nghệ của địa phương thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

l) Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh và các cơ quan liên quan đề xuất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp quốc gia; tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp quốc gia khi được yêu cầu; phối hợp theo dõi, kiểm tra trong quá trình thực hiện và đề xuất việc tiếp nhận kết quả, tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

m) Thành lập các Hội đồng tư vấn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định và theo phân cấp hoặc ủy quyền của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh.

7. Về đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ

a) Quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo; xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển đổi mới sáng tạo và huy động nguồn lực đầu tư cho đổi mới sáng tạo tại địa phương;

b) Hướng dẫn và tổ chức triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo; hướng dẫn, triển khai áp dụng khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, hoặc mô hình kinh doanh mới; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hệ thống đổi mới sáng tạo địa phương với doanh nghiệp là trung tâm; xây dựng các quy định của địa phương hỗ trợ đổi mới sáng tạo;

c) Hướng dẫn việc thành lập, quản lý, phát triển hệ thống tổ chức đổi mới sáng tạo, tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo của địa phương theo thẩm quyền; tổ chức việc xác định các trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật; xây dựng, vận hành, phát triển mạng lưới đổi mới sáng tạo địa phương;

d) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện phát triển thị trường công nghệ của địa phương; xúc tiến thị trường công nghệ quy mô địa phương; các tổ chức trung gian của thị trường công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, sàn giao dịch công nghệ địa phương;

đ) Hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; xây dựng và triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển thị

trường công nghệ; hỗ trợ tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tìm kiếm công nghệ, nhập khẩu công nghệ, khai thác sáng chế, giải mã và làm chủ công nghệ; cho ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư; đánh giá trình độ, năng lực công nghệ và xây dựng định hướng phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật;

e) Chỉ đạo, tổ chức chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động kết nối nguồn cung, nguồn cầu công nghệ; hoạt động giao dịch công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ; triển lãm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành thu thập, tổng hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu, đề xuất, thực hiện các giải pháp phục vụ xây dựng, nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo của địa phương.

8. Về khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ

a) Quản lý, hướng dẫn hoạt động ươm tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách về xác định, công nhận, ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tư vấn viên khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo và các chủ thể khác của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo theo thẩm quyền;

b) Hướng dẫn việc thành lập và cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo thẩm quyền; theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình, kết quả hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định; phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của địa phương; thúc đẩy việc huy động nguồn lực đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ tại địa phương;

d) Quản lý, hướng dẫn và tổ chức triển khai phát triển hệ thống các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo và phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; xây dựng, vận hành và phát triển mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia, cố vấn, nhà đầu tư khởi nghiệp sáng tạo thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh;

đ) Xây dựng và triển khai các chương trình, đề án, dự án hỗ trợ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên địa bàn tỉnh được thành lập, tham gia thành lập, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chỉ đạo, tổ chức thực hiện các sự kiện về ươm

tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo trong phạm vi thẩm quyền và theo quy định pháp luật.

9. Về phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng, trình cấp có thẩm quyền trong việc thực hiện quy hoạch các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành; hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, dự án đầu tư phát triển tiềm lực, nâng cao năng lực tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý;

b) Quản lý hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh; tham mưu, có ý kiến về việc thành lập, thẩm định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập; hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh theo quy định;

c) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đổi mới nguồn nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý;

d) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; chính sách thu hút đối với nhà khoa học, chuyên gia giỏi, trí thức là người Việt Nam ở nước ngoài theo thẩm quyền và phân cấp, ủy quyền của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

10. Về sở hữu trí tuệ

a) Tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong phạm vi thẩm quyền được giao; thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp; hướng dẫn nghiệp vụ sở hữu công nghiệp đối với các tổ chức và cá nhân; quản lý, xây dựng, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu sử dụng địa danh, dấu hiệu khác chỉ nguồn gốc địa lý của sản phẩm địa phương theo quy định pháp luật và theo phân cấp, phân quyền của cấp có thẩm quyền;

b) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về sở hữu công nghiệp; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp theo quy định;

c) Quản lý về hoạt động sáng kiến. Chủ trì triển khai các biện pháp để phổ biến, khuyến khích, thúc đẩy hoạt động sáng chế, sáng kiến, sáng tạo tại địa phương; tổ chức xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

d) Giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ đối với các lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật và phân cấp, phân quyền của UBND tỉnh.

11. Về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Tổ chức việc xây dựng và tham gia xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương; tham gia xây dựng, góp ý quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) Tổ chức phổ biến áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài, áp dụng phương thức đánh giá sự phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên địa bàn; tổ chức thực hiện việc khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa phương; cảnh báo về nguy cơ mất an toàn của sản phẩm hàng hóa cho người tiêu dùng và các cơ quan hữu quan tại địa phương;

c) Tổ chức, quản lý, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện việc công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình và môi trường theo phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn của tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh tại địa phương; tiếp nhận bản công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (hàng hóa nhóm 2) thuộc phạm vi quản lý; tiếp nhận bản đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu trong lĩnh vực được phân công; tư vấn đăng ký mã số mã vạch theo phân công, phân cấp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tại địa phương;

đ) Thực hiện nhiệm vụ thông báo vào hỏi đáp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (gọi tắt là TBT) trên địa bàn; phối hợp với Điểm TBT quốc gia trong xử lý thông tin hỏi đáp, rà soát các văn bản, dự thảo biện pháp TBT của địa phương và tuyên truyền phổ biến về TBT cho doanh nghiệp để hỗ trợ xuất khẩu tại địa phương;

e) Là đầu mối triển khai các nhiệm vụ, chương trình, đề án thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thuộc phạm vi thẩm quyền tại địa phương; tổ chức mạng lưới kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường đáp ứng yêu cầu của địa phương; tổ chức thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm về đo lường trong các lĩnh vực và phạm vi đã đăng ký, được chỉ định;

g) Quản lý, tổ chức và thực hiện việc công bố sử dụng dấu định lượng trên nhãn của hàng đóng gói sẵn theo quy định của pháp luật; tiếp nhận chương trình đảm bảo đo lường của tổ chức, doanh nghiệp tại địa phương, hướng dẫn xây dựng và áp dụng chương trình đảm bảo đo lường cho tổ chức doanh nghiệp tại địa phương;

h) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra nhà nước về đo lường đối với chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo, lượng hàng đóng gói sẵn, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp để người có quyền và nghĩa vụ liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện phép đo, phương pháp đo, phương tiện đo, chuẩn đo lường, chất lượng hàng hóa: tổ chức thực hiện việc thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng các chuẩn đo lường của địa phương;

i) Tổ chức thực hiện việc thử nghiệm phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của tổ chức, cá nhân về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn;

k) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa lưu thông trên địa bàn và nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

l) Tổ chức triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương theo quy định của pháp luật;

m) Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp tham dự giải thưởng chất lượng quốc gia, quốc tế; xem xét, đánh giá và đề xuất các tổ chức, doanh nghiệp tham dự giải thưởng chất lượng quốc gia trên địa bàn tỉnh theo quy định;

n) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; là đầu mối triển khai các nhiệm vụ thuộc chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa, đề án về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tại địa phương, đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tại địa phương;

o) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng đến các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

p) Tổ chức triển khai ứng dụng các giải pháp về chuyển đổi số, mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc để tăng cường công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

q) Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng bảo đảm số lượng và chất lượng;

r) Phối hợp thực hiện việc đổi mới, phát triển hoạt động đo lường, tăng cường năng lực hạ tầng đo lường quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh trong phạm vi thẩm quyền được giao.

12. Về ứng dụng bức xạ, đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân

a) Tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án và các biện pháp để thúc đẩy ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

b) Quản lý các hoạt động quan trắc phóng xạ môi trường trên địa bàn; phối hợp quản lý các hoạt động phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử theo quy định;

c) Quản lý và thực hiện việc tiếp nhận khai báo hoạt động tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X- quang chẩn đoán trong y tế; thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị phát tia X dùng trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh;

d) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc địa bàn quản lý và xử lý đối với các vi phạm theo thẩm quyền và theo sự phân công, phân cấp, ủy quyền UBND tỉnh;

đ) Quản lý các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân trên địa bàn;

e) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp UBND tỉnh xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt; xử lý sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn theo sự phân công của UBND tỉnh; tiếp nhận, thông báo và phối hợp với các cơ quan có liên quan xác minh thông tin và tổ chức tìm kiếm, xử lý đối với nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân nằm ngoài sự kiểm soát;

g) Chủ trì và phối hợp với đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ thu gom chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ phát hiện trên địa bàn quản lý mà không xác định được chủ sở hữu; quản lý các nguồn phóng xạ tại địa bàn theo quy định của pháp luật;

h) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn về các biện pháp quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh khi phát hiện nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân nằm ngoài sự kiểm soát;

i) Xây dựng cơ sở dữ liệu về an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ tại địa phương và tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

13. Về thông tin, thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tổ chức việc xây dựng và tham gia xây dựng các quy định về thông tin, thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương;

b) Tổ chức phân tích, tổng hợp và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ, thông tin thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

phục vụ lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu, đào tạo, sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

c) Chỉ đạo thực hiện công tác thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định;

d) Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và phát triển hạ tầng thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cập nhật và khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương bảo đảm đồng bộ, thống nhất; xây dựng và phát triển mạng thông tin khoa học và công nghệ; ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông, phương tiện kỹ thuật tiên tiến trong hoạt động thông tin, thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

đ) Triển khai xây dựng các dự án dữ liệu của địa phương; phát triển, tích hợp hệ thống dữ liệu và thông tin quản lý của địa phương trong các lĩnh vực như: giáo dục; nông nghiệp; y tế; văn hoá; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để phục vụ khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật;

e) Chỉ đạo tổ chức thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành, lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương;

g) Phối hợp tổ chức thực hiện các cuộc điều tra thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia và ngoài Chương trình điều tra thống kê quốc gia tại địa phương; tổ chức triển khai các cuộc điều tra thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương;

h) Tổ chức và phát triển nguồn tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương; bổ sung sách, báo, tài liệu dưới các hình thức như mua, tặng, trao đổi; tổ chức và phát triển công tác thư viện, thư viện điện tử, thư viện số; tham gia Liên hợp thư viện Việt Nam về các nguồn tin khoa học và công nghệ;

i) Tổ chức các trung tâm, sàn giao dịch thông tin công nghệ trực tiếp và trên mạng Internet, triển lãm, hội chợ khoa học và công nghệ; phổ biến, xuất bản ấn phẩm và cung cấp thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

k) Tổ chức hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực thông tin, thư viện, thống kê, cơ sở dữ liệu về khoa học và công nghệ; in ấn, số hóa; tổ chức các sự kiện khoa học và công nghệ.

14. Về bưu chính

a) Hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án, đề án, chương trình về bưu chính; tổ chức kiểm tra danh mục, cơ chế hỗ trợ và hoạt động cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi thẩm quyền của tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện phát triển mạng bưu chính công cộng trên địa bàn;

c) Quản lý và phối hợp quản lý hoạt động của doanh nghiệp bưu chính; giá cước, chất lượng dịch vụ bưu chính, an toàn bưu chính; tem bưu chính trên địa bàn;

d) Giám sát, kiểm tra hoạt động của mạng bưu chính công cộng; việc cung ứng các dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, nhiệm vụ công ích trên mạng bưu chính công cộng.

15. Về viễn thông

a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, cơ chế, chính sách về viễn thông, Internet, hạ tầng số thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông triển khai công tác bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng trong hoạt động viễn thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật; chủ trì tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện việc bảo vệ an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, xử lý hành vi cản trở việc xây dựng hợp pháp, hành vi phá hoại, xâm phạm cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định của pháp luật;

c) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý, theo dõi và kiểm tra hoạt động xây dựng, phát triển hạ tầng viễn thông trên địa bàn; thực hiện các quy trình và hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông hoàn thiện thủ tục xây dựng cơ bản đối với các công trình viễn thông theo giấy phép được cấp, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương và quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông, trung tâm dữ liệu, hạ tầng số, thúc đẩy việc chia sẻ, sử dụng chung và xử lý các vướng mắc, tranh chấp về việc tiếp cận, chia sẻ, sử dụng chung, giá thuê đối với hạ tầng viễn thông thụ động và hạ tầng kỹ thuật liên ngành trên địa bàn;

đ) Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định về viễn thông, quản lý thông tin thuê bao viễn thông của các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn;

e) Phối hợp quản lý, giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về hoạt động của các mạng viễn thông phục vụ riêng cho cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn;

g) Chủ trì tham mưu với UBND tỉnh đề xuất địa bàn được hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, danh sách đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích, thiết bị đầu cuối tại địa phương; tổ chức thực hiện chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích theo nhiệm vụ được giao; phối hợp kiểm tra thực hiện hoạt động viễn thông công ích tại địa phương;

h) Thực hiện kiểm tra chất lượng thiết bị, mạng, dịch vụ viễn thông, chất lượng sản phẩm, hàng hóa viễn thông trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước về viễn thông theo quy định của pháp luật và phân cấp, phân quyền của cấp có thẩm quyền.

16. Về tần số vô tuyến điện

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch sử dụng kênh tần số đối với phát thanh, truyền hình; các quy định về điều kiện kỹ thuật, điều kiện khai thác các loại thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép trên địa bàn cấp tỉnh;

b) Phối hợp với tổ chức tần số vô tuyến điện khu vực trong công tác giám sát, kiểm tra, xử lý can nhiễu, xử phạt vi phạm hành chính trong địa bàn cấp tỉnh;

c) Phối hợp quản lý chất lượng phát xạ vô tuyến điện, tương thích điện từ và an toàn bức xạ vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

17. Về công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số

a) Tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn; cơ chế, chính sách, các quy định quản lý, hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn, phát triển doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số;

b) Chủ trì hoặc tham gia thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn theo phạm vi thẩm quyền được giao và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Xây dựng, quản lý, cập nhật thông tin, dữ liệu về công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số tại địa phương phục vụ công tác báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, cập nhật cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số theo quy định pháp luật;

d) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại về công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số; tổng hợp, đánh giá kết quả phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số tại địa phương;

đ) Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc đề xuất thành lập, mở rộng, công nhận khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ số tập trung, bổ sung vào quy hoạch khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ số tập trung và các nhiệm vụ khác liên quan theo quy định pháp luật và theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh;

e) Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND cùng cấp xem xét ban hành các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, phát triển công nghiệp công nghệ số, công nghiệp bán dẫn, nhân lực công nghiệp công nghệ số và các nhiệm vụ khác liên quan theo quy định pháp luật và theo phân công, phân cấp của HĐND tỉnh.

18. Về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số

a) Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực trong công tác chuyển đổi số của tỉnh; là đầu mối chủ trì, tổng hợp, tham mưu, điều phối hoạt động giữa các sở, ngành,

các cơ quan, tổ chức để thực hiện các chủ trương, chiến lược, cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, chính quyền thông minh tại địa phương;

b) Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật; đề xuất, xây dựng, hướng dẫn, tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án của địa phương về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, chính quyền thông minh; xây dựng quy chế, quy định và tổ chức hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, chính quyền thông minh; thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo; tổ chức triển khai, xây dựng, quản lý, vận hành, hướng dẫn sử dụng cơ sở hạ tầng của Trang thông tin điện tử, Cổng Thông tin điện tử của địa phương; tổ chức triển khai, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật cho việc cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến;

c) Hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi quản lý, bảo đảm đầu tư tập trung, đúng mục tiêu, có hiệu quả; kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo thẩm quyền; thẩm định dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, chính quyền thông minh, kinh tế số và xã hội số theo thẩm quyền;

d) Xây dựng, duy trì, cập nhật, tổ chức thực hiện và đánh giá, kiểm tra việc tuân thủ kiến trúc chính quyền số, kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (kiến trúc ICT) phát triển đô thị thông minh; đầu mối kỹ thuật hướng dẫn việc thiết kế, triển khai kiến trúc số cho các sở, ngành liên quan đến phạm vi, lĩnh vực quản lý tại địa phương;

đ) Tổ chức triển khai, xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng mạng, hạ tầng, nền tảng sử dụng thống nhất ở địa phương phục vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, chính quyền thông minh thuộc phạm vi chức năng được giao theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức triển khai các hoạt động thúc đẩy đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động của người dân lên các nền tảng số Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

g) Tổ chức triển khai các hoạt động thúc đẩy tổ chức, doanh nghiệp, người dân sử dụng chữ ký số, dấu thời gian, dịch vụ tin cậy và xác thực điện tử; phối hợp với đầu mối của Ban Cơ yếu Chính phủ thúc đẩy sử dụng chữ ký số chuyên dùng

trong cơ quan nhà nước; thúc đẩy ứng dụng và phát triển chữ ký số, dấu thời gian, dịch vụ tin cậy và xác thực điện tử tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ;

h) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tiến hành tổng hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu, đề xuất, thực hiện các giải pháp trong việc xây dựng, nâng cao chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số hằng năm của tỉnh;

i) Quản lý, kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương; phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương và các doanh nghiệp viễn thông triển khai kết nối theo quy định.

19. Về dịch vụ sự nghiệp công

a) Hướng dẫn các tổ chức sự nghiệp thực hiện dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các lĩnh vực khác thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao trên địa bàn;

b) Tổ chức thực hiện các quy trình, thủ tục, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật;

c) Trình UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách địa phương trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật;

d) Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật thuộc phạm vi quản lý của địa phương; trình UBND tỉnh ban hành, sửa đổi định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) đối với sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của địa phương; phối hợp tham gia công tác quản lý giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về giá và phân công của UBND tỉnh;

đ) Trình UBND tỉnh ban hành cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật.

20. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi chức năng được giao; khai thác, thương mại hóa, công bố, tuyên truyền kết quả nghiên cứu khoa học, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và các hoạt động khác; phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước tại địa phương.

21. Thực hiện nhiệm vụ quản lý đối với các dự án đầu tư chuyên ngành khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở địa phương theo các quy định

của pháp luật về đầu tư, ngân sách nhà nước, pháp luật chuyên ngành và theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh; tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức triển khai các dự án, nội dung thành phần về các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của các Bộ và phân công, phân cấp của UBND tỉnh.

22. Quản lý, khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

23. Thực hiện các hoạt động hợp tác, liên kết trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh.

24. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc lĩnh vực được giao quản lý theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

25. Thực hiện công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng được giao theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh; tổ chức việc tiếp công dân và thực hiện các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật theo quy định.

26. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc sở; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ sử dụng, trọng dụng, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh.

27. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh.

28. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao với UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan khi được yêu cầu.

29. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong phạm vi được phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật và các quy định khác của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ

a) Văn phòng;

b) Phòng Khoa học và Công nghệ;

c) Phòng Chuyển đổi số;

d) Phòng Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

đ) Phòng Hạ tầng.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ

Trung tâm Hỗ trợ đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trung Chiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/CT-UBND

Sơn La, ngày 21 tháng 01 năm 2026

CHỈ THỊ

**Về việc tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát
thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả
dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026**

Trong thời gian giáp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026, nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của nhân dân tăng cao, đây cũng là thời điểm các hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất và kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng có diễn biến phức tạp với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi.

Để chủ động trong công tác kiểm soát thị trường, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bảo đảm nhân dân đón Tết vui tươi, an toàn, lành mạnh; thực hiện các Chỉ thị của Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ Công Thương. Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 18/TTr-SCT ngày 15 tháng 01 năm 2026, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới và các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia, Bộ Công Thương, Ban Chỉ đạo 389 tỉnh về công tác đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng không bảo đảm chất lượng.

2. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 23/KH-BCĐ389 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Ban Chỉ đạo 389 tỉnh Sơn La về cao điểm chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026; Kế hoạch số 12/KH-BCĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ban Chỉ đạo An toàn thực phẩm tỉnh về triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Bính Ngọ và mùa Lễ hội Xuân năm 2026.

3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan:

a) Theo dõi diễn biến cung cầu, giá cả thị trường, giám sát chặt chẽ việc cung ứng điện, xăng dầu và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, bảo đảm không để xảy ra gián đoạn hoạt động sản xuất, sinh hoạt của người dân và doanh nghiệp trong dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026.

b) Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đầu cơ găm hàng, niêm yết giá, thương mại điện tử, kinh doanh, vận chuyển, tàng trữ hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng không rõ nguồn gốc, hàng giả, hàng xâm phạm sở hữu trí tuệ, hàng kém chất lượng... chú trọng các mặt hàng thiết yếu, mặt hàng có nhu cầu tiêu dùng cao trước, trong và sau dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ 2026 như bánh kẹo, rượu bia, nước giải khát, thuốc lá, các mặt hàng thực phẩm tươi sống....; phối hợp với các lực lượng chức năng tập trung kiểm tra các khu vực kho bãi, điểm tập kết hàng hóa gần biên giới, các điểm chợ đầu mối, chợ chuyên doanh, các tuyến đường bộ... phòng ngừa, ngăn chặn hàng hóa vi phạm vận chuyển từ biên giới, ngoài tỉnh vào địa bàn để tiêu thụ.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan

a) Tăng cường công tác quản lý chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản.

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm soát chặt chẽ nguồn cung, các hoạt động buôn bán, vận chuyển trái phép gia súc, gia cầm và các sản phẩm liên quan, nhất là các cửa khẩu, đường mòn, lối mở khu vực biên giới tuyến đường chính ra vào tỉnh.

5. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan

Tăng cường công tác kiểm tra các cơ sở kinh doanh thuốc, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh các trường hợp thuốc giả, thuốc kém chất lượng, thuốc không được cấp phép lưu hành và các trường hợp vi phạm quy định về quản lý giá thuốc. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về an toàn thực phẩm trước, trong và sau dịp Tết, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm và công khai kết quả thanh tra, kiểm tra trên trang thông tin điện tử về an toàn thực phẩm và các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan

Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sử dụng trái phép vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, pháo và đồ chơi nguy hiểm.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn thông tin, tuyên truyền đầy đủ, chính xác, kịp thời các chủ trương, chính sách của Nhà nước, quy định về sản xuất, kinh doanh, lưu thông hàng hóa, thị trường, nguồn cung, giá thực phẩm, các mặt hàng bình ổn phục vụ người dân trong dịp Tết; kịp thời thông tin về tình hình, kết quả công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đợt cao điểm chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 trên hệ thống thông tin cơ sở.

8. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan

a) Tăng cường công tác kiểm tra chuyên ngành trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm hành vi vi phạm.

b) Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, ngăn ngừa hàng hóa sản xuất, nhập khẩu và lưu thông trên thị trường không đáp ứng về đo lường, chất lượng có nguy cơ gây hại đến sức khỏe cộng đồng, môi trường, góp phần bình ổn thị trường dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

9. Hải quan Sơn La, Hải quan cửa khẩu Quốc tế Lóng Sập chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan

Tập trung kiểm tra chặt chẽ tại các mặt hàng có nguy cơ cao trong việc xảy ra tình trạng nhập lậu hàng hóa qua các cửa khẩu, biên giới trong dịp cuối năm và Tết Nguyên đán.

10. Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La, Cổng Thông tin điện tử tỉnh tăng cường số lượng tin, bài, thời lượng phát sóng, nâng cao tuyên truyền để bảo đảm thị trường ổn định, phục vụ nhu cầu mua sắm Tết của người dân, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức người dân và doanh nghiệp, nhất là người dân tại vùng sâu, vùng biên giới trong chống hàng giả, hàng lậu dịp cao điểm Tết Bính Ngọ năm 2026.

11. UBND các xã, phường chỉ đạo triển khai rà soát, quản lý, kiểm tra, hậu kiểm việc chấp hành pháp luật đối với các cơ sở sản xuất, phân phối, kinh doanh trên địa bàn quản lý. Chủ tịch UBND các xã, phường trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện tốt Chỉ thị này và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh nếu để xảy ra các vụ việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng lĩnh vực phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả trên địa bàn, lĩnh vực mình phụ trách./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 179/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 22 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng và cấp Giấy Chứng nhận
sản phẩm tham gia Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP)
tỉnh Sơn La năm 2025 (lần 2)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 21 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc Kiện toàn hội đồng và tổ giúp việc đánh giá, phân hạng sản phẩm thuộc chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2) năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 76/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng và cấp Giấy Chứng nhận sản phẩm tham gia Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tỉnh Sơn La năm 2025 (lần 2) với các nội dung sau:

1. Đánh giá phân hạng và công nhận 47 sản phẩm OCOP trong đó: 31 sản phẩm mới, 16 sản phẩm OCOP đánh giá lại của các chủ thể trên địa bàn tỉnh Sơn La, kết quả như sau:

- 01 sản phẩm đủ điều kiện đề nghị Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP của Trung ương đánh giá, phân hạng 5 sao.

- 24 sản phẩm đạt hạng 4 sao.

- 22 sản phẩm đạt hạng 3 sao.

(Có danh sách chi tiết kèm theo).

2. Sản phẩm đạt hạng sao nêu tại Khoản 1 Điều này được Chủ tịch UBND tỉnh cấp Giấy Chứng nhận, được sử dụng nhãn hiệu OCOP và thứ hạng sao đạt được in trên bao bì sản phẩm theo quy định. Chế độ, chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP (nếu có) thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Kết quả phân hạng có giá trị trong 03 (ba) năm kể từ ngày ban hành Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Phát triển nông thôn) cơ quan thường trực Chương trình OCOP tỉnh, có trách nhiệm tổ chức công bố, công khai sản phẩm được xếp hạng; hướng dẫn UBND các xã, phường và các chủ thể sử dụng và in nhãn hiệu OCOP, thứ hạng sao lên bao bì sản phẩm được công nhận theo quy định; định kỳ kiểm tra các sản phẩm; đề xuất xử lý các hành vi vi phạm về tiêu chuẩn phân hạng sản phẩm và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan: theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, hướng dẫn, hỗ trợ UBND các xã, phường và các chủ thể sản xuất sản phẩm OCOP tiếp tục hoàn thiện sản phẩm, tham gia xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu thị trường để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm OCOP.

3. Các chủ thể OCOP có sản phẩm được công nhận tại Quyết định này có trách nhiệm hoàn thiện sản phẩm, đảm bảo chất lượng, uy tín thương hiệu sản phẩm theo quy định của Chương trình OCOP.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các chủ thể có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

Danh sách
SẢN PHẨM ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG
VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM OCOP TỈNH SƠN LA NĂM 2025 (LẦN 2)
(Kèm theo Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

STT	Tên chủ thể	Địa chỉ	Tên sản phẩm	Điểm trung bình	Đạt hạng sao	Ghi chú
1	Hợp tác xã cà phê Bích Thao Sơn La	Bản Hoàng Văn Thu, Phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La.	Trà quả cà phê	74	4 sao	Đánh giá lại
2			Cà phê hoà tan thẳng hoa nguyên chất	75	4 sao	Đánh giá mới
3	Công ty cổ phần sản xuất chế biến nông sản Sơn La	Bản Cáp La, Phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	Chăm chéo Tây Bắc	55	3 sao	đánh giá mới
4	Công ty TNHH công nghệ thực phẩm Hải Đăng	Số 22 đường 3-2, Tổ 1, Phường Quyết Thắng, tỉnh Sơn La	Mận sậy dẻo	72	4 sao	Đánh giá mới
5			Mơ Sấy dẻo	73	4 sao	Đánh giá mới
6			Thịt lợn heo – Mọc thịt heo	73	4 sao	Đánh giá mới
7	Hộ kinh doanh Hà Bích Diệp	Ngõ 298, Đường Chu Văn Thỉnh, Tổ 3, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La, Việt Nam	Lạp sườn heo – Mọc thịt heo	71	4 sao	Đánh giá mới
8			Trâu gác bếp – Mọc Thịt heo	73	4 sao	Đánh giá mới
9			Mận sậy dẻo	92	Đề nghị TW đánh giá 5 sao	Đánh giá mới
10	Hợp tác xã dịch vụ phát triển nông nghiệp 19/5	Số 01, tổ dân phố Chiềng Đi, phường Văn Sơn, tỉnh Sơn La	Mận sậy gừng	74	4 sao	Đánh giá lại
11			Mận sậy mật ong	75	4 sao	Đánh giá lại
12	Hợp tác xã Ong Phông Lái	Bản Kiến Xương, xã Bình Thuận, tỉnh Sơn La	Mật ong Phông Lái	61	3 sao	Đánh giá lại

STT	Tên chủ thể	Địa chỉ	Tên sản phẩm	Điểm trung bình	Đạt hạng sao	Ghi chú
13	Hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ hoa quả sấy Cường Hoa	SN 38, tiểu khu 30/4, xã Chiềng Sơn, tỉnh Sơn La	Mận sấy dẻo Cường Hoa	62	3 sao	Đánh giá mới
14			Xoài sấy dẻo Cường Hoa	62	3 sao	Đánh giá mới
15			Chanh leo sấy dẻo Cường Hoa	63	3 sao	Đánh giá mới
16	Hợp tác xã Amifarm	Tiểu khu 34, xã Tân Yên, tỉnh Sơn La	Sữa chua sấy thăng hoa amifarm - nguyên bản	74	4 sao	Đánh giá mới
17			sữa chua sấy thăng hoa amifarm - vị mật đỏ	75	4 sao	Đánh giá mới
18	Công ty TNHH một thành viên đầu tư xây dựng Thành Long	Tiểu khu 19, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Rượu sâm Ngọc Linh Thành Long	72	4 sao	Đánh giá lại
19			Rượu cao sâm Ngọc Linh Thành Long	71	4 sao	Đánh giá lại
20			Cao sâm Ngọc Linh Thành Long	74	4 sao	Đánh giá lại
21	Công ty TNHH Một thành viên Đạt Thủy	Số nhà 08, Tiểu khu 39, xã Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Hạt mắc ca Đạt Thủy	74	4 sao	Đánh giá lại
22	Hợp tác xã nông nghiệp mùa vàng Bản Ít	Bản Ít, xã Mường La, tỉnh Sơn La	Gạo nếp tan Bản Ít	61	3 sao	Đánh giá mới
23	Hợp tác xã Sen Hồng Hưng Thịnh	Tiểu khu Mo 1, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	Gạo nếp tan Mường Tác	66	3 sao	Đánh giá mới
24			Gạo Ség cù Mường Tác	67	3 sao	Đánh giá mới
25	Hộ kinh doanh Đào Thị Hiếu	Tiểu khu 3, xã Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La	Chả cá sông Đà	62	3 sao	Đánh giá lại
26	Hợp tác xã dược liệu Green and More	Bản Phụ Mẫu, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Trà nụ hoa sâm	63	3 sao	Đánh giá mới
27	Công ty TNHH mật ong Vân Hồ	Tiểu khu Sao Đỏ 1, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La	Mật ong hoa nhãn	58	3 sao	Đánh giá mới

STT	Tên chủ thể	Địa chỉ	Tên sản phẩm	Điểm trung bình	Đạt hạng sao	Ghi chú
28	Hợp tác xã nông nghiệp Hua Păng	Bản Nà Bó 1, xã Đoàn Kết, tỉnh Sơn La	Gạo nếp cao hương Hua Păng	61	3 sao	Đánh giá mới
29	Hợp tác xã Tiến Hưng	Bản Hang Chú, xã Xím Vàng, tỉnh Sơn La	Rượu hang chú	72	4 sao	Đánh giá lại
30	Hợp tác xã Ara-Tay Coffee	Bản Mây, xã Mường Chanh, tỉnh Sơn La	Cà phê Ara-Tay Coffee	76	4 sao	Đánh giá lại
31			Cà phê Ara -tay Natural	76	4 sao	Đánh giá mới
32			Cà phê Ara - tay honey	77	4 sao	Đánh giá mới
33	Hợp tác xã Phương Nam	Bản Pha Cúng, xã Lóng Phiêng, tỉnh Sơn La	Nà Sầu Riêng Phương Nam	61	3 sao	Đánh giá mới
34	Công ty TNHH trà và đặc sản Tây Bắc - TAFOOD	Bản Tà Xùa A, xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La	Bạch Trà Mây	71	4 sao	Đánh giá lại
35			Trà xanh mây	73	4 sao	Đánh giá lại
36	Hộ kinh doanh Quảng Văn Tường	Cá lăng tươi cắt khúc	Bản Ban Xa, xã Mường Khiêng, tỉnh Sơn La	55	3 sao	Đánh giá mới
37		Chăm chéo La Ha		55	3 sao	Đánh giá mới
38	Hợp tác xã Sản Xuất Chè V-Shantea	Lục Trà Phù Hoa	Tiểu khu Chiềng Hạ, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La	66	3 sao	Đánh giá mới
39		Bạch Trà Phù Hoa		66	3 sao	Đánh giá mới
40	Hộ kinh doanh Hồ Sâm	Mật ong Hồ Sâm	Phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	72	4 sao	Đánh giá lại
41	Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Bương Tâm	Long nhãn sấy khô Bương Tâm	Bản Có, xã Mường Hung, tỉnh Sơn La	62	3 sao	Đánh giá mới
42	Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Ngoan Hậu	Thịt trâu gác bếp Ngoan Hậu	Bản Tân Lập, xã Chiềng Khương, tỉnh Sơn La	57	3 sao	Đánh giá mới
43	Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp Hưng Lộc	Nhãn quả sấy khô Hưng Lộc	Bản Tân Lập, xã Chiềng Khương, tỉnh Sơn La	60	3 sao	Đánh giá mới

STT	Tên chủ thể	Địa chỉ	Tên sản phẩm	Điểm trung bình	Đạt hạng sao	Ghi chú
44	Hộ kinh doanh Phương Anh	Rượu Ngô Sơn Dương	Đường Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 5, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	56	3 sao	Đánh giá mới
45	Hộ kinh Doanh Tòng Ngọc Hoa	Thịt trâu gác bếp	Phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	72	4 sao	Đánh giá lại
46	Công ty cổ phần du lịch Pha Luông	Khu du lịch sinh thái Thác Dải Yếm	Tổ dân phố Vạt Hồng, phường Mộc Châu, tỉnh Sơn La	72	4 sao	Đánh giá lại
47	HTX Nông nghiệp và Du lịch Nhâm Khanh	Cam Nhâm Khanh	Tổ dân phố 68, phường Vân Sơn, tỉnh Sơn La	61	3 sao	Đánh giá mới

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 191/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 23 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 592/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 595/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Sơn La năm 2026;

Căn cứ Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 199-KL/TW ngày 10 tháng 10 năm 2025 Hội nghị lần thứ 13, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 244/2025/QH15 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 57/TTr-STC ngày 22 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 như sau:

Năm 2025, việc triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh diễn ra trong bối cảnh thuận lợi và khó khăn đan xen, đặc biệt là yêu cầu triển khai quyết liệt công tác sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp theo hướng tinh gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương. Bên cạnh đó, tỉnh còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như thiên tai, dịch bệnh; tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến

nhanh, phức tạp, khó lường; giá nguyên, vật liệu đầu vào tăng cao, thị trường xuất khẩu thu hẹp, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của doanh nghiệp, tổ chức và Nhân dân, tạo thêm áp lực đối với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực, đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong tỉnh, năm 2025 tỉnh Sơn La đã cơ bản hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, với 27/28 chỉ tiêu chủ yếu đạt và vượt kế hoạch. Kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng; GRDP ước tăng 8,03% so với năm 2024; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 5.600 tỷ đồng, vượt kế hoạch được giao. Môi trường đầu tư, kinh doanh từng bước được cải thiện; công tác xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản đạt nhiều kết quả tích cực. Các lĩnh vực an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được quan tâm; công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở được triển khai kịp thời, hiệu quả; quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường; trật tự, an toàn xã hội cơ bản được giữ vững.

Năm 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; đồng thời là năm đầu triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030, thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế của cả nước đạt mức hai con số, tạo nền tảng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới. Tình hình thế giới và khu vực được dự báo tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro; trong khi sức chống chịu của nền kinh tế trước các tác động bất lợi từ bên ngoài chưa cao, những tồn tại, hạn chế nội tại vẫn cần tiếp tục tập trung khắc phục; các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản còn tiềm ẩn rủi ro; các vấn đề an ninh phi truyền thống, dịch bệnh, thiên tai, bão lũ, biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến phức tạp, cực đoan, tác động ngày càng nặng nề đến phát triển kinh tế - xã hội.

Trước bối cảnh đó, tỉnh cần phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, quyết tâm chính trị và khát vọng phát triển, nâng cao năng lực dự báo, điều hành và tổ chức thực hiện; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị; chủ động bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, đồng thời linh hoạt, sáng tạo trong vận dụng các chủ trương, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

I. CHỦ ĐỀ, QUAN ĐIỂM, TRỌNG TÂM CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 theo các kết luận, yêu cầu của Trung ương, Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ, UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành,

các địa phương tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2026 đạt từ 8% trở lên, tạo nền tảng vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo. Tăng trưởng kinh tế phải nhanh nhưng bền vững, gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh; chú trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần đổi mới sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng vươn lên, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân; chủ động nắm bắt thời cơ, linh hoạt ứng phó với thách thức, biến khó khăn, thách thức thành cơ hội phát triển; *“xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái”*, hành động quyết liệt, hiệu quả, với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, thống nhất thực hiện theo chủ đề điều hành năm 2026: **“Kỷ cương trách nhiệm; chủ động hiệu quả; đổi mới sáng tạo; tăng tốc đột phá; tăng trưởng bền vững”**, gắn với 05 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo, điều hành, cụ thể như sau:

1. Quán triệt và thực hiện nghiêm các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Nghị quyết của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 và năm 2026, với tinh thần *“Đảng đã chỉ đạo, Chính phủ đã thống nhất, Quốc hội đồng tình, Nhân dân ủng hộ, Tổ quốc mong đợi, bạn bè giúp đỡ thì chỉ bàn làm, không bàn lùi”*.

2. Giữ đà, giữ nhịp và tăng tốc, bút phá; bám sát thực tiễn, nhận diện và phát huy hiệu quả mọi cơ hội, thuận lợi; kịp thời ứng phó với những vấn đề phát sinh.

3. Đổi mới căn bản tư duy phát triển, phương thức quản trị và phân bổ nguồn lực; giải quyết hiệu quả các vấn đề trước mắt để tạo đà tăng trưởng, gắn với các cải cách chiến lược, dài hạn để chuyển đổi mô hình phát triển, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính. Phát triển các thành phần kinh tế, kết hợp hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

4. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; tiếp tục đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển đất nước gắn với phân cấp, phân quyền; tăng cường giám sát, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Tiếp tục đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

5. Phát triển kinh tế, xã hội, môi trường là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại là trọng yếu, thường xuyên.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

1.1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Triển khai hiệu quả Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật và Nghị quyết số 140/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị rà soát hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc thẩm quyền để kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những văn bản chồng chéo, không phù hợp, ban hành quy định mới phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành để giải phóng mọi nguồn lực tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội.

Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với việc chuyển đổi số. Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp để ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiếp cận pháp luật và bảo đảm an toàn pháp lý của cá nhân, tổ chức.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả thi hành pháp luật và quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hành chính tư pháp, đặc biệt chú trọng các nhiệm vụ được giao tại Đề án 06.

1.2. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Kịp thời tham mưu ban hành văn bản thuộc thẩm quyền của địa phương quy định chi tiết, hướng dẫn triển khai các văn bản theo quy định của pháp luật; rà soát, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo hoặc chưa đầy đủ. Tăng cường kỷ luật, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cấp, các ngành, các địa phương trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; kiên quyết cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và quy định liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh, bảo đảm không phát sinh thủ tục, quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mới không cần thiết, thiếu tính khả thi hoặc không phù hợp với thực tiễn. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ kịp thời các thủ tục hành chính, quy định chồng chéo, mâu thuẫn, chung chung, không rõ ràng, gây khó khăn, tăng chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu trong năm 2026 cắt giảm, đơn giản hóa toàn bộ các điều kiện đầu tư, kinh doanh không cần thiết, không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiệu quả, năng động, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, minh bạch, chi phí tuân thủ thấp; phấn đấu giảm tối thiểu 50% thời gian giải quyết và 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính so với năm 2024.

Tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong tình hình mới; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn lực cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân, tham gia mạng lưới hỗ trợ, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế; đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế, nợ công, bội chi ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu), khai thác mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới

2.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý tài chính - ngân sách nhà nước; điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, gắn với nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức quản lý thu ngân sách nhà nước nghiêm túc, đúng quy định; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, mở rộng cơ sở thu, tăng cường chống thất thu, nhất là đối với các lĩnh vực thương mại điện tử, dịch vụ ăn uống, bán lẻ và kinh doanh trên nền tảng số. Thực hiện triệt để tiết kiệm chi, đặc biệt là chi thường xuyên; tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, ưu tiên bố trí vốn cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, thiết yếu, các nhiệm vụ an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh. Thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách, kiên quyết phòng, chống thất thoát, lãng phí; phân bổ ngân sách theo nguyên tắc hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm khả năng triển khai thực tế. Phấn đấu hoàn thành và vượt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026 theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Thực hiện điều hành giá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đối với các mặt hàng thiết yếu; tăng cường công khai, minh bạch thông tin về giá và công tác điều hành giá, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân.

Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún; thực hiện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đúng quy định, phòng ngừa thất thoát, lãng phí. Kiên quyết thu hồi, điều chuyển vốn đối với các dự án chậm triển khai, không còn phù hợp, chưa thực sự cần thiết hoặc đầu tư kém hiệu quả; ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình kết nối liên tỉnh, liên vùng.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực tỉnh có tiềm năng, lợi thế và khả năng tạo bứt phá, hình thành động lực tăng trưởng mới, như công nghiệp chế biến, nhất là chế biến nông, lâm sản, công nghiệp điện tử, khai thác và chế biến khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển du lịch bền vững; ưu tiên các dự án có quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao,

hiệu quả kinh tế - xã hội lớn, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, thân thiện môi trường và có khả năng lan tỏa, đóng góp lâu dài cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tập trung phát triển mạnh thị trường trong nước, triển khai đồng bộ các giải pháp kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy thương mại và du lịch; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại với hình thức đa dạng, linh hoạt, hiệu quả. Theo dõi sát diễn biến thị trường, chủ động thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hóa, nhất là trong các dịp cao điểm Lễ, Tết; không để xảy ra tình trạng thiếu hàng, gián đoạn nguồn cung hoặc sốt giá. Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”.

Tăng cường quản lý thị trường, thực hiện nghiêm công tác phòng, chống gian lận xuất xứ hàng hóa; chủ động hoàn thiện và triển khai hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ sản xuất trong nước, doanh nghiệp và thị trường nội địa. Có giải pháp quản lý, điều tiết sản xuất, ổn định cung - cầu đối với các mặt hàng thiết yếu có tác động lớn đến kinh tế - xã hội, sản xuất trong nước và quyền lợi người tiêu dùng. Tổ chức tốt Lễ hội Mùa Xuân vào đầu tháng 01 năm 2026.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại tại các thị trường mới, thị trường tiềm năng, nhất là đối với các mặt hàng nông sản chủ lực; nghiên cứu xu hướng, thị hiếu tiêu dùng; tổ chức các hoạt động quảng bá, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu hàng hóa Sơn La tại các địa phương trong nước và quốc tế. Tăng cường quảng bá, khuyến khích tiêu dùng sản phẩm nội địa; lựa chọn một số mặt hàng có tiềm năng để xây dựng và triển khai các chương trình xúc tiến thương mại chuyên sâu, phù hợp với từng thị trường mục tiêu.

Tiếp tục thu hút đầu tư phát triển hệ thống cửa hàng, điểm giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm nông sản, thực phẩm đặc sản của Sơn La, mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Triển khai các giải pháp khai thác, phát huy tiềm năng, nâng cao giá trị gia tăng của ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến; gắn phát triển sản xuất với xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ và đẩy mạnh xuất khẩu. Tăng cường công tác thông tin, định hướng doanh nghiệp chuyển mạnh hoạt động xuất khẩu sang hình thức chính ngạch, bền vững; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, xúc tiến xuất khẩu. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin, tư vấn thị trường và kết nối thị trường cho các địa phương, hiệp hội ngành hàng và cộng đồng doanh nghiệp.

2.3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 3 chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức triển khai kịp thời, đầy đủ chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối trên địa bàn. Tiếp tục nắm bắt kịp thời các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách

và những khó khăn, vướng mắc trong thực tế triển khai, tập trung tháo gỡ, xử lý những vấn đề thuộc thẩm quyền; báo cáo Thống đốc NHNN Việt Nam, Tỉnh ủy, HĐND và UBND những vấn đề vượt thẩm quyền; thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế, chính trị xã hội để kịp thời có giải pháp phù hợp đảm bảo giữ vững ổn định thị trường tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng trên địa bàn. Chỉ đạo, hướng dẫn các TCTD trên địa bàn trong việc thực hiện và tuân thủ các cơ chế, chính sách và quy định pháp luật về tiền tệ, ngoại hối và hoạt động ngân hàng. Thúc đẩy phát triển các dịch vụ thanh toán hiện đại, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin và hệ thống thanh toán; mở rộng hệ sinh thái số và tăng cường cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong lĩnh vực công, đặc biệt trong y tế, giáo dục và chi trả an sinh xã hội.

2.4. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt khắc phục các điểm nghẽn, hạn chế để đẩy nhanh tiến bộ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2026, đặc biệt là dự án đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La và các Chương trình mục tiêu quốc gia; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún; thu hồi vốn của các dự án không triển khai theo kế hoạch phê duyệt, kiên quyết loại bỏ những dự án không thực sự cần thiết; chủ động cân đối nguồn lực của địa phương để đầu tư các dự án thuộc phạm vi mình quản lý với tinh thần “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; quản lý chặt chẽ thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên để dành tăng thêm cho chi đầu tư phát triển. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, tham gia sâu, rộng hơn vào chuỗi cung ứng; khai thác hiệu quả thị trường mới.

3. Tiếp tục hoàn thiện quy định về tổ chức bộ máy hành chính; tăng cường phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi của bộ máy trong điều kiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ

3.1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Chủ động rà soát, kịp thời tham mưu tháo gỡ khó khăn, khắc phục những bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo trong các quy định liên quan đến tổ chức, hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước, nhất là đối với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện, phát huy tính chủ động, tự chủ, kiến tạo phát triển của địa phương trong chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền.

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan trong hệ thống chính trị theo hướng “*Tinh - Gọn - Mạnh - Hiệu năng - Hiệu lực - Hiệu quả*”; đẩy mạnh cải cách quản trị nhà nước, minh bạch hóa hoạt động công vụ, xóa bỏ cơ chế “*xin – cho*”; thực hiện hiệu quả các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; tổ chức đánh giá cán bộ, công chức theo kết quả thực hiện nhiệm vụ, gắn với chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI); kiên quyết khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy, sợ sai, sợ trách nhiệm. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; có tư duy đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; đồng thời có cơ chế tạo động lực, bảo vệ cán bộ năng động, trách nhiệm, vì sự phát triển của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, lấy mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước.

3.2. Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức ngành thanh tra. Thực hiện nghiêm Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán; Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, trong đó chú trọng công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, kiểm toán. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của pháp luật về thực hiện kết luận thanh tra, kiểm toán; tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc chấp hành, khắc phục sai phạm; nâng cao tỷ lệ thu hồi tiền và tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt do vi phạm, tham nhũng, tiêu cực.

Kiên quyết phòng ngừa, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để trục lợi, gây phiền hà, sách nhiễu hoặc can thiệp, cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân; bảo đảm hoạt động thanh tra thực chất, đúng pháp luật, không làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tập trung giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các vụ việc mới phát sinh; đồng thời chủ động

kiểm tra, rà soát, đôn đốc và giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài, không để hình thành “điểm nóng”, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

3.3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Luật Ngân sách Nhà nước, đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch. Phối hợp với các sở, ngành kiểm tra việc thực hiện quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026 trong các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tập trung thực hiện hoàn thành việc tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

3.4. Công an tỉnh, Viện Kiểm sát, Tòa án tỉnh

Tăng cường công tác phát hiện, điều tra và phối hợp xử lý nghiêm các vụ án tham nhũng. Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về thi hành án dân sự, thi hành án hành chính. Tập trung xử lý dứt điểm các vụ việc có điều kiện thi hành án, nhất là các vụ việc trọng điểm, phức tạp, kéo dài.

3.5. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết khắc phục, xử lý tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, né tránh, thiếu trách nhiệm trong thực thi công vụ; đồng thời tạo môi trường, không gian đổi mới, khuyến khích và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không vụ lợi. Thực hiện hiệu quả việc phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực hợp lý; nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

Tổ chức hoàn thành việc tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư; đẩy nhanh tiến độ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài sản công sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy, tránh thất thoát, lãng phí.

Thực hiện nghiêm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; chủ động nắm tình hình, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, phù hợp thực tiễn các vụ việc ngay từ cơ sở, nhất là các vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác nhân sự phục vụ Đại hội Đảng các cấp, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Tiếp tục công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ tra cứu, cập nhật thường xuyên đầy đủ thông tin đối với các quy trình thủ tục hành chính, các quy hoạch về sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch chung xây dựng; các thông tin về ngân sách, mời thầu... để nhà đầu tư, cộng

đồng doanh nghiệp dễ tiếp cận và tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở.

4. Chuyển đổi căn bản mô hình tăng trưởng dựa vào năng suất và đổi mới sáng tạo; đặt nâng cao năng suất, chất lượng nguồn nhân lực, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào trung tâm của chiến lược phát triển; cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng xanh, số, tuần hoàn, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, sức chống chịu của nền kinh tế

4.1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu, gắn với ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của các ngành công nghiệp có lợi thế, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với vùng nguyên liệu của tỉnh.

Chú trọng phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực, nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng và phát triển thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; hỗ trợ, tạo điều kiện để các chủ đầu tư khai thác hiệu quả công suất các nhà máy chế biến quy mô lớn trên địa bàn; khuyến khích liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tập trung thu hút đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại hiện đại, bao gồm siêu thị, trung tâm thương mại, chợ đầu mối, chợ truyền thống, góp phần thúc đẩy lưu thông hàng hóa, phát triển thị trường nội địa.

Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và khai thác hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện gió, điện sinh khối, điện mặt trời, đặc biệt là điện mặt trời mái nhà phù hợp với quy hoạch; nâng cao hiệu quả vận hành các hồ chứa thủy điện theo hướng linh hoạt, khai thác tối đa công suất phát điện gắn với bảo đảm an toàn công trình, phòng, chống thiên tai, điều tiết lũ và cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực hạ du. Thực hiện phát triển thủy điện bền vững gắn với bảo vệ rừng, giữ nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

4.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng tập trung, bền vững, ứng dụng khoa học, công nghệ cao và chuyển đổi số, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng; nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập trên một đơn vị diện tích; tăng khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông sản chủ lực; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm phát triển nông nghiệp bền vững. Khai thác hiệu quả điều kiện tự nhiên, phát triển nông nghiệp hàng hóa, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, đặc sản; xây dựng và phát triển các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ trong nước, xuất khẩu.

Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô lớn, hiệu quả và bền vững; ưu tiên phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và các bản đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh chuyển đổi từ mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại, công nghiệp, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn sinh học, vệ sinh môi trường và kiểm soát dịch bệnh. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sinh thái, thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi an toàn sinh học; nhân rộng các mô hình sản xuất theo chuỗi liên kết có hiệu quả kinh tế cao.

Tiếp tục phát triển cây Mắc ca, lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu dưới tán rừng và các mô hình kinh tế lâm nghiệp bền vững, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân trên diện tích đất lâm nghiệp được giao; thúc đẩy trồng trọt tuần hoàn, phát thải các-bon thấp, thân thiện với môi trường; chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp theo định hướng “*Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*”.

Nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục duy trì, mở rộng các chuỗi cung ứng thực phẩm nông sản, thủy sản an toàn; phát triển các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ các nhà máy chế biến gắn với các sản phẩm lợi thế, chủ lực của địa phương.

Chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Sơn La trở thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp và Đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Sơn La; đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện các biện pháp phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai, hạn chế thấp nhất thiệt hại, bảo vệ sản xuất nông nghiệp.

4.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả và bền vững; hình thành một số trung tâm dịch vụ du lịch với các sản phẩm chất lượng cao, có thương hiệu, khả năng cạnh tranh, gắn với hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa các dân tộc; tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về hạ tầng, kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch. Đẩy mạnh thu hút khách du lịch; tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về du lịch; phát triển du lịch theo hướng trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm phù hợp với tiềm năng, lợi thế và điều kiện thực tế của từng địa phương.

Phát huy lợi thế về văn hóa và nông nghiệp để phát triển các sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc, hấp dẫn; chú trọng bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với phát triển du lịch bền vững; triển khai hiệu quả các chương trình phát triển du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng. Tập trung nguồn lực phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu theo hướng đồng bộ, hiện đại; phát triển sản

phẩm du lịch theo 05 nhóm chủ đạo gồm: du lịch sinh thái, nông nghiệp; du lịch văn hóa, lịch sử; du lịch cộng đồng; du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, chăm sóc sức khỏe; du lịch chuyên đề (*thể thao, hội thảo, hội nghị, ẩm thực...*), qua đó tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển du lịch tại các địa phương khác trong tỉnh.

Tập trung triển khai các giải pháp huy động, thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng và kỹ thuật phục vụ du lịch theo hướng trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm phát triển du lịch theo phương châm: *“Sản phẩm đặc sắc - Dịch vụ chuyên nghiệp - Thủ tục thuận tiện, đơn giản - Giá cả cạnh tranh - Môi trường sạch, đẹp - Điểm đến an toàn, văn minh, thân thiện”*. Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch gắn với tiềm năng nông nghiệp, bản sắc văn hóa dân tộc, điều kiện khí hậu ôn đới, tài nguyên du lịch lòng hồ thủy điện và các điểm du lịch văn hóa truyền thống đặc sắc.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, khai thác điểm đến, hướng tới xây dựng mô hình du lịch thông minh; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình và cá nhân đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ du khách theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của ngành du lịch. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến, quảng bá du lịch; đa dạng hóa hình thức quảng bá, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong truyền thông, xây dựng hình ảnh, thương hiệu du lịch Sơn La.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn và xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định pháp luật; tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2026. Đẩy mạnh tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch trong và ngoài tỉnh nhằm tạo điểm nhấn, thu hút truyền thông và khách du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4.4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tham mưu UBND tỉnh điều hành linh hoạt, hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung, không dàn trải; bám sát khả năng cân đối các nguồn vốn, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn, tạo sức lan tỏa và động lực thúc đẩy phát triển giữa các vùng, địa phương. Phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 theo đúng quy định; kịp thời tham mưu thu hồi, điều chỉnh đối với các trường hợp phân bổ không đúng quy định.

Theo dõi chặt chẽ tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công của từng dự án; chủ động tham mưu điều chỉnh kế hoạch vốn từ các dự án giải ngân chậm, không còn nhu cầu sang các dự án có nhu cầu bổ sung vốn hoặc đã có khối lượng hoàn thành nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân. Thực hiện rà soát, điều chuyển vốn đầu tư công theo các đợt cụ thể:

- Đợt 1, đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, thu hồi, điều chuyển vốn đối với các dự án chuyển tiếp có tỷ lệ giải ngân dưới 50% kế hoạch vốn;

- Đợt 2, đến ngày 30 tháng 9 năm 2026, thu hồi, điều chuyển vốn đối với các dự án được giao kế hoạch năm 2026 có tỷ lệ giải ngân dưới 60%;

- Đợt 3, trước ngày 15 tháng 12 năm 2026, rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn đối với các dự án không còn khả năng giải ngân, thanh toán.

Trong năm, căn cứ tiến độ thực hiện và kết quả giải ngân, chủ động tham mưu thực hiện các đợt điều chỉnh kế hoạch vốn khi cần thiết, bảo đảm sử dụng hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2026.

Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh, hiệu quả, bền vững, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Phối hợp tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư chậm tiến độ; tổ chức thực hiện công tác thu hút đầu tư đúng quy định, đúng định hướng phát triển của tỉnh. Tăng cường kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, không triển khai hoặc triển khai không đúng nội dung phê duyệt. Đẩy nhanh tiến độ thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước theo kế hoạch được phê duyệt.

Tăng cường liên kết giữa kinh tế tập thể với các thành phần kinh tế khác; tổ chức triển khai hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2023. Tập trung thu hút đầu tư vào các lĩnh vực tỉnh có lợi thế và tiềm năng phát triển như: công nghiệp chế biến nông sản, chế biến sâu khoáng sản; phát triển du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La; phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế xanh, bền vững.

4.5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 3 chủ trì thực hiện

Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả chính sách tiền tệ, tín dụng, lãi suất theo chỉ đạo của NHNN Việt Nam, phù hợp với tình hình kinh tế trên địa bàn. Chỉ đạo các TCTD tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, tập trung vào sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát rủi ro và nợ xấu.

Tăng cường thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, xử lý vi phạm, phòng ngừa rủi ro, góp phần hạn chế tín dụng đen. Triển khai cơ cấu lại các TCTD gắn với xử lý nợ xấu. Thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin và thanh toán điện tử, thanh toán thẻ trên địa bàn.

Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp; các sở, ban, ngành của tỉnh trong quản lý nhà nước về lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối trên địa bàn; cũng như tháo gỡ cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng nói chung và vay vốn nói riêng.

4.6. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Chú trọng phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng văn hóa, giáo dục, y tế và hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên đầu tư hạ tầng nông nghiệp, nông thôn phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi, hồ đập, hồ chứa, công trình phòng, chống sạt lở, các khu vực xung yếu thường xuyên chịu ảnh hưởng của lũ lụt; phát triển hạ tầng giống nông, lâm nghiệp; các công trình cấp nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực nông thôn, bảo đảm người dân nông thôn được tiếp cận đầy đủ, an toàn nguồn nước sạch.

Tiếp tục triển khai đồng bộ, nhất quán các văn bản quy phạm pháp luật nhằm khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là nguồn lực trong Nhân dân và nguồn lực từ bên ngoài; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh, trong đó có lĩnh vực bất động sản, bảo đảm phát triển lành mạnh, bền vững.

Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo các nghị quyết của Trung ương và Quốc hội; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, điều hành, chủ động xử lý kịp thời các tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong giải ngân vốn đầu tư công, nhất là công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư. Thực hiện phân công nhiệm vụ theo nguyên tắc *“rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả”*; xây dựng kế hoạch giải ngân chi tiết theo từng dự án, từng tháng, quý; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; phân đấu tỷ lệ giải ngân năm 2026 đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

Thực hiện nghiêm công tác chuẩn bị đầu tư, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định; kiên quyết loại bỏ các dự án không thật sự cần thiết, kém hiệu quả; xử lý nghiêm các trường hợp nhà thầu vi phạm tiến độ, chất lượng công trình. Xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan.

Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; đa dạng hóa hình thức quảng bá, xúc tiến, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư, tập trung thu hút đầu tư phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chợ tại các địa phương; thúc đẩy thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt. Đẩy mạnh chuyển đổi mô hình sản xuất và tiêu dùng theo hướng xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải; ưu tiên các dự án công nghiệp sạch, công nghệ cao, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường. Đồng thời, triển khai đồng bộ các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm và khả năng ứng phó rủi ro khí hậu trên địa bàn.

5. Tập trung đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng then chốt, đồng bộ, nhất là các công trình giao thông; thúc đẩy các dự án có tính liên vùng, hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số; điều chỉnh quy hoạch phù hợp với bối cảnh mới

5.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tham mưu xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng tập trung, trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các dự án quy mô lớn, có tính liên vùng, tác động lan tỏa cao, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực.

Tăng cường lồng ghép, phối hợp hiệu quả giữa các chương trình, dự án đầu tư công với các chương trình mục tiêu quốc gia; đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, năng lượng, đô thị và hạ tầng số; bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Phối hợp tham mưu thu hút, kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm, dự án có sức lan tỏa, dẫn dắt phát triển các ngành, lĩnh vực; ưu tiên các dự án hạ tầng, khu, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, khu dân cư, các dự án thương mại, dịch vụ, du lịch. Huy động hiệu quả nguồn lực khu vực ngoài nhà nước tham gia phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo nguyên tắc công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội.

5.2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu đoạn qua địa bàn tỉnh Sơn La; đồng thời nghiên cứu, đề xuất Trung ương đầu tư tuyến cao tốc Mộc Châu - thành phố Sơn La trong giai đoạn 2026 - 2030.

Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sơn La; từng bước xây dựng hệ thống đô thị đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và bền vững; ưu tiên phát triển thành phố Sơn La trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh và tiểu vùng.

5.3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tập trung triển khai hiệu quả các dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên Cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ nhằm tăng cường thu hút đầu tư, phát triển sản xuất công nghiệp, đồng thời góp phần giải quyết các vấn đề về môi trường, nhất là ô nhiễm nguồn nước trong hoạt động chế biến nông sản.

5.4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tập trung đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là các công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, phòng, chống thiên tai; phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp, sửa chữa các hồ, đập, kênh mương; phát triển hạ tầng phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp xanh, bền vững.

5.5. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công. Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin, tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, từng bước hình thành chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

Tiếp tục triển khai hiệu quả phong trào làm đường giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; hoàn thành chương trình đầu tư xây dựng các trường phổ thông dân tộc nội trú tại các xã biên giới theo đúng tiến độ, đồng thời xây dựng phương án vận hành, quản lý hiệu quả sau đầu tư.

Tập trung hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về giải phóng mặt bằng, tái định cư, nguồn vật liệu xây dựng và kiểm soát giá vật tư, bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư công trọng điểm như: tuyến cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, tuyến Bắc Yên - Mường La, các tuyến đường nội thị Mộc Châu, Mai Sơn.

6. Tạo đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng mặt bằng kỹ thuật của toàn xã hội

6.1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới phương thức xây dựng và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hình thức đặt hàng, gắn chặt với yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao chất lượng hoạt động của các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ.

Tăng cường hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhất là các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm theo chuỗi giá trị có tiềm năng xuất khẩu; nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, chuyển giao công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại; bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, các cấp và địa phương trong toàn tỉnh. Tổ chức triển khai hiệu quả việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ cao; từng bước thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp.

Hình thành, vận hành kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức; phục vụ công tác phân tích, dự báo và ra quyết định trong quản lý, điều hành. Xây dựng, phát triển các nền tảng số tích hợp, liên thông giữa các hệ thống thông tin, góp phần tối ưu

hóa quy trình nghiệp vụ, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp.

Tăng cường năng lực bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, nhất là các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công và Bộ phận Một cửa các cấp; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hướng tới hình thành hệ thống dữ liệu số đồng bộ, phục vụ tái sử dụng.

Triển khai hiệu quả cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích tham gia thực hiện một số công việc trong quy trình giải quyết thủ tục hành chính như hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, số hóa, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, trên cơ sở đánh giá đầy đủ khả năng đáp ứng về cơ sở vật chất, nhân lực của cơ quan hành chính nhà nước, bảo đảm hiệu quả, an toàn và đúng quy định.

6.2. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục triển khai hiệu quả các chủ trương, giải pháp theo Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học. Tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông; chủ động chuẩn bị các điều kiện để triển khai thống nhất chương trình, sách giáo khoa theo quy định từ năm học 2026 - 2027. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2025 - 2035.

Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; chú trọng giáo dục văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh. Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp; tăng cường đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, nhất là tại các địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Khuyến khích phát triển các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh; tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng, bình đẳng; thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên. Tăng cường phối hợp tổ chức giảng dạy văn hóa bậc trung học phổ thông trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ và năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ nhà giáo, người dạy nghề và cán bộ quản lý giáo dục. Tập trung giải quyết tình trạng thiếu giáo viên, nhất là tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tăng cường đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh

viên; gắn với xây dựng văn hóa học đường và phát huy hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam. Chú trọng giáo dục lòng yêu nước, ý thức tự hào dân tộc, tinh thần tự lực, tự cường, khát vọng cống hiến vì sự phát triển của đất nước.

Đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu thị trường lao động, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là các ngành khoa học, kỹ thuật, công nghệ. Triển khai hiệu quả Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với giáo dục nghề nghiệp; tăng cường kiểm soát chất lượng đào tạo, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia. Đa dạng hóa hình thức đào tạo; đẩy mạnh đào tạo vừa làm vừa học, đào tạo từ xa; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất, đổi mới chương trình, phương thức đào tạo và quản trị nhà trường; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, chất lượng cao.

Tăng cường liên kết, hợp tác với doanh nghiệp trong tuyển sinh, tổ chức đào tạo và giải quyết việc làm; hình thành các mô hình gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động theo vùng, địa phương; phát huy vai trò của các trung tâm dịch vụ việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm. Chú trọng gắn đào tạo nghề với việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tăng cường công tác dự báo nhu cầu đào tạo, nhất là đối với các ngành, nghề khoa học - kỹ thuật - công nghệ, làm cơ sở định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

6.3. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Chủ động tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và trong từng lĩnh vực chuyên ngành; triển khai quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm Đề án số 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nhất là trong công tác quản lý, hoạt động dạy và học tại các cơ sở giáo dục; chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên. Quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, bảo đảm đáp ứng yêu cầu triển khai Chương trình giáo dục phổ thông mới và các nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục.

7. Chú trọng phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội

7.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tập trung xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tiến bộ; chú trọng xây dựng và nâng cao chất lượng đời sống văn hóa ở cơ sở. Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; nâng

cao tính văn hóa trong các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và trong sinh hoạt cộng đồng. Đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và thể chất của Nhân dân.

Chủ động tham mưu, tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền, kỷ niệm các ngày Lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước và của tỉnh; phối hợp chuẩn bị, tổ chức các hoạt động phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, bảo đảm trang trọng, an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.

Tiếp tục bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh; làm tốt công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa; tăng cường quản lý, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử – văn hóa, danh lam thắng cảnh; chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển du lịch bền vững.

Phát triển mạnh phong trào thể dục, thể thao quần chúng, nâng cao tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên; quan tâm đầu tư, chuẩn bị lực lượng vận động viên, huấn luyện viên tham gia các giải thể thao khu vực, quốc gia và quốc tế; từng bước nâng cao thành tích thể thao của tỉnh, góp phần xây dựng hình ảnh, vị thế địa phương.

7.2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; thực hiện tốt công tác chăm sóc, điều dưỡng người có công; đẩy mạnh các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”; tiếp tục quan tâm hỗ trợ nhà ở cho người có công theo quy định.

Tiếp tục triển khai các giải pháp mở rộng độ bao phủ và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả chính sách bảo hiểm thất nghiệp nhằm hỗ trợ người lao động ổn định cuộc sống, tư vấn, bồi dưỡng kỹ năng nghề và giới thiệu việc làm mới. Tăng cường kết nối cung - cầu lao động, phát triển thị trường lao động theo hướng đồng bộ, hiện đại; chú trọng giải quyết việc làm cho thanh niên, lao động trung niên, lao động yếu thế, lao động nữ; thúc đẩy chuyển dịch lao động từ khu vực phi chính thức sang khu vực chính thức; quan tâm hỗ trợ lao động di cư từ nông thôn ra đô thị, khu công nghiệp và lao động vùng biên giới.

Đẩy mạnh công tác an toàn, vệ sinh lao động; tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, hướng dẫn doanh nghiệp và người lao động thực hiện các quy định pháp luật về an toàn lao động. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và số hóa dữ liệu; nâng cao năng lực phân tích, dự báo nhu cầu sử dụng lao động, nhu cầu đào tạo nghề của doanh nghiệp theo ngành nghề, trình độ và cơ cấu lao động. Tiếp tục đẩy mạnh công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Thực hiện tốt công tác đối với thanh niên, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; nâng cao hiệu quả phối hợp liên ngành trong triển khai các chính sách xã hội, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định đời sống Nhân dân và phát triển bền vững.

7.3. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ về một số giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Chủ động rà soát, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực y tế, bảo đảm phù hợp với việc sắp xếp đơn vị hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Nâng cao năng lực y tế cơ sở, y tế dự phòng; tăng cường công tác dự báo, giám sát, phát hiện sớm, kiểm soát và xử lý kịp thời, hiệu quả các dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp về y tế công cộng. Triển khai lộ trình tăng số lượng vắc-xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng giai đoạn 2021 - 2030; tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch tiêm chủng mở rộng năm 2026. Tăng cường quản lý các bệnh không lây nhiễm, rối loạn sức khỏe tâm thần; bảo đảm an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường y tế, sức khỏe học đường, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; nâng cao thể lực, tầm vóc và sức khỏe Nhân dân.

Đẩy mạnh các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ở tất cả các tuyến, lấy người bệnh làm trung tâm; nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động khám, chữa bệnh từ xa ngay từ tuyến cơ sở; tăng cường chỉ đạo tuyến, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ chuyên môn cho các cơ sở y tế tuyến dưới. Tiếp tục triển khai đồng bộ các chương trình, đề án về công tác dân số, trọng tâm là thực hiện hiệu quả Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; chú trọng chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số; phát triển y học cổ truyền, kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại.

Tăng cường đầu tư phát triển hệ thống y tế; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp cho lĩnh vực y tế; tiếp tục đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo hướng tự chủ, hiệu quả. Thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; mở rộng và nâng cao hiệu quả bảo hiểm y tế toàn dân. Tăng cường quản lý chất lượng dịch vụ y tế; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực y tế, nhất là tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành y tế; ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn triển khai quản lý sức khỏe điện tử, sổ khám chữa bệnh điện tử; mở rộng ứng dụng khám, chữa bệnh từ xa, từng bước cung cấp dịch vụ y tế số đến từng người dân.

Tiếp tục xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện nhằm phát triển trẻ em toàn diện; thực hiện ngày càng tốt hơn quyền trẻ em. Tăng cường bảo vệ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; kiểm soát, giảm thiểu tình trạng trẻ em bị xâm hại, tai nạn, thương tích, nhất là đuối nước và tai nạn giao thông. Thúc đẩy bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ; bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ trong cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực; tăng cường phòng, chống bạo lực gia đình.

7.4. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức triển khai nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới. Chủ động tham mưu, triển khai các giải pháp phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, người thu nhập thấp, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị và nông thôn, đáp ứng nhu cầu thực tiễn và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh.

Tập trung thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, khả thi. Tăng cường quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, phát triển và quản lý sử dụng nhà ở; đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án nhà ở xã hội, bảo đảm chất lượng công trình, hiệu quả sử dụng đất và an sinh xã hội, góp phần nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

7.5. Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Chủ trì triển khai đồng bộ, hiệu quả các chiến lược, chương trình, đề án, dự án và chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tập trung cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng miền núi, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn; góp phần thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng, địa bàn.

Quan tâm bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; gắn bảo tồn văn hóa với phát triển kinh tế, du lịch cộng đồng và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc các cấp; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến, giáo dục pháp luật; đẩy mạnh cải cách hành chính; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách dân tộc, bảo đảm chính sách đi vào thực chất, hiệu quả.

Thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân theo quy định của pháp luật; tăng cường công tác quản lý nhà nước, bảo đảm an ninh tôn giáo, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chủ động phòng ngừa,

đấu tranh, phản bác các hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của các tổ chức tôn giáo trong tham gia phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

7.6. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức triển khai hiệu quả mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới. Chủ trì rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách giảm nghèo theo hướng đồng bộ, tránh chồng chéo, trùng lặp; gắn giảm nghèo với mục tiêu phát triển bền vững, nâng dần mức sống tối thiểu và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

7.7. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia; ưu tiên nguồn lực cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số, người dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người dân trong sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm; phát triển đa dạng các mô hình sản xuất, sinh kế bền vững có sự tham gia của hộ nghèo, hộ cận nghèo, phù hợp với điều kiện từng vùng, từng địa bàn, nhất là khu vực nông thôn, miền núi; góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đời sống và giảm nghèo bền vững.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; chủ động rà soát, bảo đảm hỗ trợ đúng, đủ, không để sót đối tượng, nhất là trong các dịp Lễ, Tết, thời kỳ giáp hạt và khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh. Kịp thời hỗ trợ lương thực, nhà ở, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng, bảo đảm công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng; đẩy mạnh chi trả trợ cấp ưu đãi người có công không dùng tiền mặt và thông qua các tổ chức cung ứng dịch vụ chi trả phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

8. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm thiểu rủi ro thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường

8.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản; tham mưu các giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, nhất là đối với các dự án trọng điểm; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường; quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phục hồi các khu vực bị suy thoái, hạn chế phát sinh ô nhiễm.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn nguồn nước; phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Thực hiện nghiêm, nâng cao chất lượng công tác đánh giá tác động môi trường; nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực đô thị và nông thôn; vận hành hiệu quả các bãi chôn lấp, công trình xử lý chất thải; tăng cường tái sử dụng, tái chế, giảm thiểu chất thải nhựa.

Nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, nhất là đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, lũ quét, sạt lở đất; nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng và kết cấu hạ tầng; huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, giảm thiểu thiệt hại. Tiếp tục hiện đại hóa mạng lưới khí tượng thủy văn, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; hoàn thiện hệ thống bản đồ địa chính số, bảo đảm 100% xã có bản đồ địa chính; xây dựng, vận hành nền tảng chia sẻ thông tin đất đai trực tuyến. Thực hiện công khai, minh bạch trong thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người có đất bị thu hồi; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên, xây dựng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản.

Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập; chủ động tích trữ, điều tiết, quản lý, phân phối và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân; giảm thiểu rủi ro thiên tai liên quan đến nước; ngăn chặn, từng bước phục hồi suy giảm, ô nhiễm tài nguyên nước. Theo dõi, giám sát chặt chẽ việc vận hành các hồ chứa theo quy trình vận hành liên hồ, bảo đảm kết nối, cập nhật, cung cấp dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành.

Thực hiện hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học. Đẩy mạnh quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ rừng, mã số rừng trồng; phát triển rừng trồng gỗ lớn, nâng cao năng suất, chất lượng rừng và chất lượng giống cây lâm nghiệp; phát huy giá trị đa dụng của rừng gắn với sinh kế bền vững và bảo vệ môi trường.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về quản lý chất lượng nông, lâm, thủy sản theo hướng hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế; mở rộng sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; phát triển các chuỗi cung ứng nông, lâm, thủy sản an

toàn, bền vững. Tăng cường giám sát, hậu kiểm an toàn thực phẩm; kịp thời cảnh báo, xử lý vi phạm; đẩy mạnh chế biến, bảo quản, nâng cao giá trị gia tăng; mở rộng thị trường tiêu thụ, thực hiện nghiêm các quy định về truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở đóng gói theo quy định.

8.2. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Chủ động lồng ghép mục tiêu bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai vào quá trình xây dựng, triển khai quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ các yếu tố môi trường ngay từ giai đoạn đề xuất, quyết định chủ trương đầu tư; kiên quyết sàng lọc, loại trừ các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều tài nguyên, năng lượng, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm.

Chủ động xây dựng, rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện các phương án phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với từng địa bàn, lĩnh vực; nâng cao năng lực phòng ngừa, sẵn sàng ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Phối hợp chặt chẽ trong công tác thông tin, cảnh báo, sơ tán dân cư, cứu nạn, cứu hộ; kịp thời hỗ trợ ổn định đời sống và khôi phục sản xuất cho Nhân dân khi xảy ra thiên tai, sự cố môi trường.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân trong quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai; phát huy vai trò giám sát của cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, hài hòa với bảo vệ môi trường.

9. Tăng cường liên kết vùng, thực hiện hiệu quả quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành; nâng cao chất lượng

9.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tham gia các hoạt động liên kết vùng để phát triển kinh tế xã hội và giải quyết các vấn đề chung của vùng gắn với thực hiện các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc. Tập trung thực hiện điều chỉnh và triển khai quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến 2050.

Tập trung đầu tư, kêu gọi đầu tư vào các dự án trọng điểm, dự án có sức lan tỏa, dẫn dắt sự phát triển của các ngành, lĩnh vực; thu hút đầu tư các dự án hạ tầng, phát triển khu, cụm công nghiệp; dự án khu đô thị mới, khu dân cư; các dự án phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch. Huy động nguồn lực khu vực ngoài nhà nước tham gia phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội.

9.2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Triển khai thực hiện hiệu quả Kết luận 224-KL/TW ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn bảo đảm đồng bộ, thống nhất với

Quy hoạch tỉnh, phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý, thu hút đầu tư.

9.3. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tổ chức triển khai nghiêm túc, hiệu quả Quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết và quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung phát triển đô thị theo hướng bền vững, thông minh, gắn với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Chủ động tăng cường liên kết vùng, phối hợp trong phát triển hạ tầng, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế đô thị; nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về quy hoạch, đất đai, xây dựng trên địa bàn, góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế đô thị của tỉnh.

10. Củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; tiếp tục xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội

10.1. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc; triển khai hiệu quả các đề án xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nâng cao sức mạnh tổng hợp và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh. Chủ động nắm chắc tình hình, xây dựng và hoàn thiện các phương án tác chiến, phương án phòng thủ phù hợp với đặc điểm địa bàn và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tăng cường luyện tập, diễn tập, nâng cao khả năng chỉ huy, hiệp đồng và xử lý tình huống. Phối hợp chặt chẽ trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển; kiểm soát chặt chẽ hoạt động xuất, nhập cảnh, giữ vững chủ quyền, an ninh biên giới, nhất là tại các địa bàn chiến lược, trọng điểm.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế – xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; chú trọng các địa bàn vùng cao, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn. Đẩy mạnh công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tập trung xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, nâng cao chất lượng huấn luyện, kỷ luật, khả năng sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống.

10.2. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Bảo đảm tuyệt đối an ninh, an toàn các hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước; các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử Quốc hội khóa XVI và

bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; tăng cường bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh tư tưởng - văn hóa, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh môi trường. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng; chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng không gian mạng để xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh trấn áp các loại tội phạm và vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm ma túy, tội phạm hình sự, tội phạm kinh tế, chức vụ, tham nhũng, môi trường, vi phạm về an toàn thực phẩm; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy, quản lý người nghiện, cai nghiện ma túy và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng.

Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài; nâng cao chất lượng công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, kiểm chế và làm giảm tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí; góp phần xây dựng môi trường xã hội an toàn, ổn định, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

10.3. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Chỉ đạo chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, phương án phòng thủ dân sự, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, sự cố môi trường, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

Tập trung nhận diện và chủ động các giải pháp kiểm chế, kéo giảm tội phạm bền vững. Trấn áp mạnh, quyết liệt đối với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm giết người, lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội phạm đánh bạc; hoạt động “tín dụng đen”; tội phạm liên quan đến thanh, thiếu niên; các đường dây mua bán, vận chuyển ma túy; xử lý nghiêm tội phạm và các vi phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao, đặc biệt là các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực.

Đẩy mạnh công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, trật tự đô thị, công tác phòng cháy, chữa cháy; kiên quyết xử lý nghiêm hành vi vi phạm về nồng độ cồn, sử dụng ma túy khi điều khiển phương tiện giao thông.

11. Triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển

11.1. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tập trung triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ

trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế. Duy trì, củng cố, tăng cường mối quan hệ với 09 tỉnh của nước CHDCND Lào; chú trọng mở rộng hợp tác với một số địa phương của các nước ngoài khu vực, hợp tác với các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam để tăng cường quảng bá, giới thiệu tiềm năng lợi thế của tỉnh ra cộng đồng quốc tế, vận động thu hút đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng, thế mạnh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động hiệu quả các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn lực khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

11.2. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục tăng cường công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác đối ngoại, biên giới lãnh thổ.

12. Chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội

12.1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương

Tiếp tục đổi mới, sáng tạo, đa dạng và phong phú về hình thức, nội dung thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền sâu rộng các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước trong năm 2026, trọng tâm là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Chủ động lan tỏa các điển hình tiên tiến, cách làm hay, mô hình hiệu quả, gương người tốt, việc tốt; bám sát thực tiễn, tăng cường cung cấp thông tin chính thống, kịp thời, khách quan, góp phần ổn định dư luận xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Kiên quyết đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; chủ động thông tin phản hồi các vấn đề dư luận quan tâm; phối hợp triệt phá, gỡ bỏ, ngăn chặn thông tin xấu, độc, sai sự thật; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định.

Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

12.2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị, xã hội tỉnh

Nâng cao hiệu quả công tác dân vận, phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, góp phần tạo đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quyết định này và các Nghị quyết, Kết luận, chương trình hành động liên quan của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, các Quyết định, Chỉ thị, Thông báo, Kết luận của UBND tỉnh và Thường trực UBND tỉnh (*Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh*), Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Quán triệt phương châm phát huy tối đa các mặt tích cực, kết quả đạt được trong những năm qua; theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả, thiết thực và toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 199-KL/TW ngày 10 tháng 10 năm 2025 Hội nghị lần thứ 13, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 244/2025/QH15 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, các Nghị quyết của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Quyết định này. Chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của cơ quan, đơn vị mình; kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, tạo chuyển biến rõ nét ngay từ đầu năm; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao; kịp thời báo cáo UBND tỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Theo dõi sát diễn biến trong nước và quốc tế, chủ động phân tích đánh giá, dự báo để có các giải pháp kịp thời, tổng thể, đồng bộ, tận dụng thời cơ, thuận lợi, giảm thiểu tác động tiêu cực đối với nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Kịp thời tổ chức triển khai, đánh giá tình hình thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và đề xuất giải pháp chỉ đạo, điều hành của ngành mình, cấp mình trong các tháng, quý, năm tiếp theo, gửi Văn phòng UBND tỉnh (để theo dõi), gửi Sở Tài chính trước ngày 18 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, các phiên họp UBND tỉnh và báo cáo Bộ Tài chính theo đúng quy định.

- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành, các địa phương; giữa cơ quan chính quyền các cấp với các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tổ chức, các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong năm 2026.

- Tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ; đồng thời tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân. Tổ chức giao ban định kỳ hàng tháng

(các phiên họp thường kỳ của UBND các cấp) để kiểm điểm, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Văn phòng UBND tỉnh theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng công việc được giao của các sở, ban, ngành, các địa phương và đề xuất khen thưởng, chấn chỉnh, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện và kết quả thực hiện 25 chỉ tiêu chủ yếu năm 2026 giao tại Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 về giao trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 5 năm 2026 - 2030.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông và hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn tỉnh thông tin, tuyên truyền toàn diện, đầy đủ nội dung Quyết định này tới cán bộ, đảng viên và nhân dân tạo sự đồng thuận trong xã hội, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đặt ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã phường; Giám đốc Ngân hàng nhà nước Chi nhánh khu vực 3; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Việt

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/CT-UBND

Sơn La, ngày 23 tháng 01 năm 2026

CHỈ THỊ

Về đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026

Quán triệt các chỉ đạo của Trung ương về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 về Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí (sau đây viết tắt là THPTK, CPL) năm 2025, các cấp, các ngành, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã, phường đã quan tâm triển khai thực hiện và đạt được kết quả tích cực; các cơ chế chính sách của địa phương tiếp tục được hoàn thiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực tiễn; công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát được tăng cường; người đứng đầu nghiêm túc quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm, góp phần sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đảm bảo an ninh - quốc phòng.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần nghiêm túc chấn chỉnh, một số chỉ tiêu THPTK, CPL chưa đạt mục tiêu đề ra. Nhằm phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế trong THPTK, CPL năm 2026.

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 47/TTr-STC ngày 21 tháng 01 năm 2026, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật THPTK, CPL và các văn bản hướng dẫn (*Nghị định 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật THPTK*). Việc triển khai công tác THPTK, CPL phải gắn với Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

2. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định về THPTK, CPL, xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân; xử lý nghiêm hành vi vi phạm; chú trọng lĩnh vực dễ thất thoát như: Đấu thầu, đấu giá; quản lý đất đai, tài nguyên; quản lý, sử dụng tài sản công; vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Sửa đổi hệ thống tiêu chuẩn, định mức để giảm hao phí.

3. Tăng cường quản lý nguồn thu ngân sách, đặc biệt là thu nội địa; khai thác và tạo nguồn thu mới ổn định, bền vững; ưu tiên đầu tư cho phát triển xã hội và các năm tiếp theo.

4. Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên

- Điều hành dự toán chủ động, tiết kiệm; cắt giảm nhiệm vụ chi chưa cần thiết; ưu tiên nguồn lực cho nhiệm vụ quan trọng, cấp bách.

- Siết kỷ luật tài chính; chỉ bố trí kinh phí cho nhiệm vụ thật sự cần thiết; không ban hành chính sách mới khi chưa có nguồn thực hiện.

- Xử lý số dư, chuyển nguồn, quyết toán theo đúng quy định; không chuyển nguồn các khoản chi không đủ điều kiện; xử lý triệt để tạm ứng kéo dài.

- Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn cải cách tiền lương; khoán chi hợp lý; tiết kiệm chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tiếp khách, lễ hội, kỷ niệm.

5. Chống lãng phí trong đầu tư công

- Thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

- Tập trung đầu tư các dự án trọng điểm, chương trình mục tiêu quốc gia; tránh dàn trải; xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Không khởi công dự án mới khi chưa đủ điều kiện; phải có giải trình rõ về sự cần thiết và hiệu quả.

- Tăng cường THTK, CLP trong toàn bộ quá trình đầu tư; xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm.

6. Quản lý, sử dụng tài sản công

- Triển khai hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2019 về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Hoàn thành sắp xếp, xử lý nhà đất sau điều chỉnh tổ chức bộ máy, sáp nhập; thu hồi diện tích sử dụng sai mục đích, vượt tiêu chuẩn.

- Thực hiện mua sắm theo đúng tiêu chuẩn, định mức; tăng cường thanh tra, kiểm tra; xử lý nghiêm vi phạm.

7. Quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản

- Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, kiên quyết thu hồi đất đối với các trường hợp có vi phạm luật đất đai, các trường hợp không hoặc chậm đưa đất vào sử dụng, các trường hợp chấm dứt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư.

- Khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên khoáng sản; giảm tổn thất tài nguyên, nâng cao giá trị kinh tế; bảo đảm thu đúng, thu đủ cho ngân sách nhà nước; gắn khai thác khoáng sản với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; cân đối khai thác dự trữ, xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường, tập trung xử lý rác thải đô thị, nông thôn.

8. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động; đẩy mạnh tinh giản biên chế; tăng cường kỷ luật, kỷ cương; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

9. Quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, tăng cường quản lý các quỹ theo Luật NSNN; Nghị quyết số 792/UBTVQH14 ngày 22 tháng 10 năm 2019 về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhà nước.

- Đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả hoạt động quỹ.

10. Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

- Đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Triệt để tiết kiệm chi phí; ứng dụng công nghệ mới; nâng cao năng lực cạnh tranh; tiết giảm tối thiểu 5% chi phí quản lý.

- Kiểm soát đầu tư, tránh dàn trải; đổi mới mô hình giám sát tài chính.

11. Tổ chức thực hiện

- Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường xây dựng chương trình hành động THPT, CLP năm 2026; quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức.

- Thanh tra tình hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai THPT, CLP; đưa nội dung trọng điểm vào kế hoạch thanh tra hàng năm.

- Đề nghị cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường giám sát.

12. Chế độ thông tin báo cáo

- Báo cáo 6 tháng các Sở, ban, ngành tổng hợp gửi Sở Tài chính: Trước ngày 05/6 (**Số liệu tổng hợp đến ngày 30 tháng 6. Trong đó: Số thực hiện đến ngày 31 tháng 5; Số ước thực hiện của tháng 6**). Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh, báo cáo HĐND tỉnh trước ngày 15 tháng 6.

- Báo cáo năm các sở, ban, ngành tổng hợp gửi Sở Tài chính: Trước ngày 05 tháng 11 (**số liệu tổng hợp đến ngày 31 tháng 12. Trong đó: Số thực hiện đến ngày 31 tháng 10; Số ước thực hiện của tháng 11 và 12**). Sở Tài chính tổng hợp, trình UBND tỉnh, báo cáo HĐND tỉnh trước ngày 15 tháng 11.

- Báo cáo năm của UBND tỉnh gửi Bộ Tài chính (Điểm a, khoản 2 điều 9 Thông tư số 188/2014/TT-BTC), Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường tham mưu trình UBND tỉnh đảm bảo kịp thời đúng quy định.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; các cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; Giám đốc các Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được UBND tỉnh thành lập, thực hiện nghiêm túc nội dung Chỉ thị này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Minh Tiến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/CT-UBND

Sơn La, ngày 24 tháng 01 năm 2026

CHỈ THỊ

Về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Sơn La

Trong thời gian qua, công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Hệ thống văn bản QPPL do HĐND, UBND các cấp ban hành ngày càng đồng bộ, kịp thời cụ thể hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tạo hành lang pháp lý thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh; công tác kiểm tra, rà soát văn bản đã được quan tâm tổ chức thực hiện, góp phần quan trọng đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, đặc biệt khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Chất lượng xây dựng, ban hành một số văn bản QPPL chưa cao; một số văn bản nội dung quy định chưa bám sát thực tiễn, thiếu tính dự báo, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của tình hình thực tế địa phương, một số văn bản còn có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật; việc thực hiện trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản QPPL của một số cơ quan, đơn vị còn lúng túng, dẫn đến tiến độ xây dựng còn chậm; công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của các cơ quan, đơn vị chưa thực sự chủ động, thường xuyên, kịp thời, nhất là các văn bản quy định chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, ban hành văn bản QPPL còn hạn chế.

Để tiếp tục thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các định hướng, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trong kỷ nguyên mới; Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW và Kế hoạch số 342-KH/TU ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường tập trung, chủ động triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng và thi hành pháp luật; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, cần phải ưu tiên trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành để tập trung trí tuệ và nguồn lực; gắn kết việc xây dựng với thi hành pháp luật. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về chất lượng, tiến độ xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý. Nghiêm túc khắc phục dứt điểm các vi phạm, tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra tại Kết luận số 39/KL-KTVB&QLXLVPHC ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính về kết luận kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật tại tỉnh Sơn La; bảo đảm không để tái diễn, không phát sinh mới các vi phạm, tồn tại, hạn chế tương tự trong quá trình xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu thực tiễn của địa phương để kịp thời tham mưu xây dựng, ban hành văn bản QPPL thuộc thẩm quyền, bảo đảm hệ thống văn bản QPPL của địa phương được đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

3. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, thực chất các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (*được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15*) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Đặc biệt tuân thủ đúng quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản QPPL, về trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản QPPL, về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản QPPL. Nâng cao chất lượng công tác soạn thảo, lấy ý kiến, góp ý, thẩm định, thẩm tra; chú trọng việc lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động, bảo đảm thực chất, hiệu quả. Nghiêm túc tiếp thu, giải trình đầy đủ, thực chất các ý kiến góp ý, thẩm định, thẩm tra. Đẩy mạnh sơ kết, tổng kết thi hành pháp luật và truyền thông chính sách nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, nhất là đối với các chính sách đặc thù của địa phương. Thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong xây dựng và thi hành pháp luật.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng văn bản QPPL; phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quá trình soạn thảo, trình ban hành văn bản QPPL; tăng cường công tác phối hợp, phát huy vai trò, ý thức trách nhiệm, nhất là cơ quan chủ trì soạn thảo và cơ quan thẩm định. Các Sở, ban, ngành, tích cực phối hợp với Sở Tư pháp trong quá trình xây dựng, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, thẩm định văn bản QPPL; phối hợp chặt chẽ, kịp thời, trách nhiệm với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan của HĐND tỉnh trong quá trình xây dựng, trình ban hành văn bản.

5. Nâng cao hiệu quả công tác tự kiểm tra văn bản QPPL thuộc trách nhiệm của từng ngành, lĩnh vực, địa phương, chủ động tự kiểm tra ngay sau khi văn bản

được ban hành; thường xuyên rà soát văn bản QPPL theo thẩm quyền để kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý văn bản có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hạn chế, bất cập, không phù hợp, nhất là các văn bản liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh và tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền ba cấp.

6. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của ngành Tư pháp; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế, kiểm tra, rà soát văn bản; bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; bố trí kinh phí phục vụ hiệu quả công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của tỉnh.

7. Sở Tư pháp

a) Phát huy vai trò là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh.

b) Nâng cao chất lượng, tính độc lập, khách quan trong công tác thẩm định văn bản QPPL; thể hiện rõ chính kiến, quan điểm thẩm định; kiên quyết không tổ chức thẩm định và không trình UBND tỉnh xem xét đối với các hồ sơ dự thảo văn bản QPPL chưa bảo đảm đầy đủ điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định cụ thể về đầu mối chủ trì, cơ chế phân công phối hợp, điều kiện bảo đảm cho công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

d) Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

8. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản về danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản QPPL tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15, để phục vụ công tác xây dựng văn bản QPPL của địa phương.

9. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành, địa phương nghiên cứu, tham mưu củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật, pháp chế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

10. Văn phòng UBND tỉnh

Tăng cường kiểm tra, rà soát các dự thảo văn bản QPPL trước khi trình UBND tỉnh; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, cơ quan liên quan xử lý các

vấn đề, nội dung có ý kiến khác nhau và tiếp thu ý kiến thành viên UBND tỉnh; không tiếp nhận, không trình UBND tỉnh xem xét đối với hồ sơ dự thảo văn bản QPPL chưa bảo đảm đầy đủ điều kiện, thủ tục theo quy định.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các nội dung Chỉ thị./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 194/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Giao Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư đối với một số dự án có tổng mức đầu tư không quá 5 tỷ đồng khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 1681/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Sơn La năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 42/TTr-SXD ngày 17 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư đối với một số dự án có tổng mức đầu tư không quá 5 tỷ đồng khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp.

(Có danh mục các dự án chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ tịch UBND cấp xã

1.1. Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của người quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan. Chỉ đạo triển khai thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về kết quả triển khai thực hiện.

1.2. Giao phòng có chức năng quản lý về xây dựng trực thuộc tổ chức thẩm định các nội dung của người quyết định đầu tư đối với các dự án đã được giao thẩm quyền quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan.

1.3. Trường hợp dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư (*bao gồm trường hợp tăng tổng mức đầu tư trên 5 tỷ đồng*) và thuộc trường hợp được phép điều chỉnh dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng và đầu tư công, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với nội dung điều chỉnh; đồng thời lấy ý kiến Sở Tài chính về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với phần kinh phí tăng thêm do điều chỉnh dự án; thực hiện đầy đủ quy trình điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) trước khi quyết định điều chỉnh quyết định đầu tư, bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

1.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Chủ tịch UBND cấp xã gửi văn bản xin ý kiến các sở, ngành và cơ quan có liên quan để được hướng dẫn thực hiện, bảo đảm đúng quy định.

2. Sở Xây dựng, Sở Tài chính

2.1. Hướng dẫn UBND cấp xã tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng thẩm quyền được giao; trường hợp phát sinh nội dung vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2.2. Chủ động theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án; tổng hợp tình hình, hướng dẫn UBND cấp xã trong quá trình thực hiện; kịp thời tham mưu, đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, bất cập, phát sinh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các chủ đầu tư, các đơn vị tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Việt

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN
GIAO CHỦ TỊCH UBND CẤP XÃ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, THẨM QUYỀN
CỦA CẤP QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP
(Kèm theo Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 25/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Chủ đầu tư theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Chủ đầu tư điều chỉnh tại Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	Giao thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)			
A	CÁC DỰ ÁN CHƯA KHỞI CÔNG								
1	Nhà văn hóa Mường Hung	Xã Mường Hung	Xã Mường Hung	2024 - 2025	QĐ 2773 ngày 26/9/2022	3.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	UBND xã Mường Hung	Chủ tịch UBND xã Mường Hung
2	Lắp đặt hệ thống Camera an ninh trên địa bàn huyện Thuận Châu	Thị trấn Thuận Châu	Xã Thuận Châu	2025	QĐ 2092 ngày 05/6/2025	2.000	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	UBND xã Thuận Châu	Chủ tịch UBND xã Thuận Châu
3	Đường giao thông nội bản Co Khết, xã Liệp Tè	Xã Liệp Tè	Xã Mường Khiêng	2024 - 2025	QĐ 4948 ngày 20/11/2024	4.424	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	UBND xã Mường Khiêng	Chủ tịch UBND xã Mường Khiêng
4	Nhà văn hóa bản Pha xã Púng Tra	Xã Púng Tra	Xã Nậm Lầu	2024 - 2025	QĐ 5173 ngày 07/12/2024	1.591	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	UBND Xã Nậm Lầu	Chủ tịch UBND Xã Nậm Lầu
5	Nâng cấp, sửa chữa đường từ bản Tát ướ đi trung tâm xã Liệp Tè	Xã Liệp Tè	Xã Mường Khiêng	2024 - 2025	QĐ 4950 ngày 21/11/2024	1.920	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	UBND xã Mường Khiêng	Chủ tịch UBND xã Mường Khiêng
6	Đường giao thông nội bản Bó Mạ xã Nong Lay	Xã Nong Lay	Xã Chiềng La	2024 - 2025	4952 21/11/2024	463	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	UBND xã Chiềng La	Chủ tịch UBND xã Chiềng La

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Chủ đầu tư theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Chủ đầu tư điều chỉnh tại Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	Giao thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)			
7	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Chợ trung tâm Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	Xã Bắc Yên	2024 - 2025	QĐ 735 ngày 28/5/2025	1.685	Phòng KT, HT&ĐT	UBND xã Bắc Yên	Chủ tịch UBND xã Bắc Yên
8	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông Quốc lộ 279 - Đán Dăm - Pa Săng - Co Muông - Lóm Lâu - Huổi Khinh	Xã Chiềng Ôn	Xã Quỳnh Nhai	2023 - 2025	2871 16/11/2023	3.850	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	UBND xã Quỳnh Nhai	Chủ tịch UBND xã Quỳnh Nhai
B	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030								
1	Chỉnh trang đô thị thị trấn Thuận Châu (hàng mục vườn hoa cây xanh)	Thị trấn Thuận Châu	Xã Thuận Châu	2024 - 2026	5001 25/11/2024	1.200	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	UBND xã Thuận Châu	Chủ tịch UBND xã Thuận Châu
2	Chỉnh trang đô thị phục vụ các ngày lễ lớn năm 2024 trên địa bàn thành phố	Thành phố Sơn La	Phường Tô Hiệu	2024	QĐ 1140 10/6/2024	1.000	Phòng KTHH & ĐT thành phố	UBND phường Tô Hiệu	Chủ tịch UBND phường Tô Hiệu
3	Sơn kẻ vạch, gờ giảm tốc các tuyến đường giao thông trên địa bàn thành phố Sơn La	Thành phố Sơn La	Phường Tô Hiệu	2024 - 2025	QĐ 2820 20/12/2024	2.797	Phòng KTHH & ĐT thành phố	UBND phường Tô Hiệu	Chủ tịch UBND phường Tô Hiệu
4	Chỉnh trang bờ suối Nậm La (đoạn từ cầu Trắng đến cầu B Quảng Trường), thành phố Sơn La	Phường Tô Hiệu	Phường Tô Hiệu	2024 - 2025	QĐ 2822 20/12/2024	895	Phòng KTHH & ĐT thành phố	UBND phường Tô Hiệu	Chủ tịch UBND phường Tô Hiệu
5	Chỉnh trang vườn hoa cầu Trắng, công viên 26/10 thành phố Sơn La	Phường Tô Hiệu	Phường Tô Hiệu	2024 - 2025	QĐ 621 27/3/2025	2.890	Phòng KTHH & ĐT thành phố	UBND phường Tô Hiệu	Chủ tịch UBND phường Tô Hiệu

TT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện dự án	Quyết định đầu tư		Chủ đầu tư theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Chủ đầu tư điều chỉnh tại Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	Giao thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)			
6	Điểm đầu nối tuyến nhánh QL37 với đường QL6 cũ tại tiểu khu 3, xã Cò Nòi	Thị trấn Hát Lót	Xã Mai Sơn	2021 - 2025	1173 28/5/2021	2.250	Ban QLDA ĐTXD và TĐC huyện Mai Sơn	UBND xã Mai Sơn	Chủ tịch UBND xã Mai Sơn
7	Nhà văn hoá xã Nậm Lạnh	Xã Nậm Lạnh	Xã Sốp Cộp	2025	1398 QĐ-UBND, ngày 28/11/2024	2.218,849	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	UBND xã Sốp Cộp	Chủ tịch UBND xã Sốp Cộp
8	Nâng cấp, sửa chữa đường Quốc lộ 279 - Đán Dăm - Pa Săng - Co Muông - Lóm Lầu - Huổi Khinh	Xã Chiềng Ôn	Xã Quỳnh Nhai	2023 - 2025	2871 16/11/2023	3.850	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	UBND xã Quỳnh Nhai	Chủ tịch UBND xã Quỳnh Nhai
9	Nhà văn hóa bản Hìn Phá	Xã Chiềng Hoa	Xã Chiềng Hoa	2022 - 2024	2170 QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.295,094	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường La	UBND xã Chiềng Hoa	Chủ tịch UBND xã Chiềng Hoa
10	Nạo vét, khơi thông dòng chảy hạ lưu cống Km 76 + 905,28, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Thị trấn Nông trường Mộc Châu	Phường Tháo Nguyên	2020 - 2025	2952 31/10/2019	2.918	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Mộc Châu	UBND phường Tháo Nguyên	Chủ tịch UBND phường Tháo Nguyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 196/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 25 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản
quy phạm pháp luật của tỉnh Sơn La năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 592/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Sơn La về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 18/TTr-STP ngày 20 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Sơn La năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Sơn La năm 2026

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 196/QĐ-UBND
ngày 25/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; thực hiện các nhiệm vụ giải pháp chủ yếu được đặt ra tại Nghị quyết số 592/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Sơn La về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các quy định của Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành pháp luật.

- Đánh giá khách quan thực trạng tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh Sơn La để kịp thời phát hiện những tồn tại, vướng mắc, bất cập và đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đầy đủ nguyên tắc, phạm vi trách nhiệm, nội dung và hình thức theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trong việc triển khai thực hiện công việc được giao;

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân; đảm bảo việc triển khai thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành

1.1. Lĩnh vực, phạm vi, đối tượng

a) Theo dõi việc thi hành văn bản QPPL trong lĩnh vực an toàn thực phẩm

- Phạm vi theo dõi: Việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thực phẩm chức năng; quản lý cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Thời gian lấy số liệu theo dõi: Giai đoạn 2025 - 2026.

- Đối tượng theo dõi: Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh.

b) Theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực công tác chính sách đối với Quân đội, hậu phương quân đội

- Phạm vi theo dõi: Việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

- Thời gian lấy số liệu theo dõi: Giai đoạn 2025 - 2026.

- Đối tượng theo dõi: Các sở, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh.

1.2. Các hoạt động theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

a) Rà soát, xây dựng danh mục các văn bản QPPL phục vụ theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, xây dựng danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành do chính quyền địa phương ban hành.

- Thời gian thực hiện: Quý I, II năm 2026 (*sau khi Bộ Tư pháp thông báo danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Trung ương ban hành*).

- Sản phẩm: Danh mục văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành do chính quyền địa phương ban hành

b) Kiểm tra, điều tra, khảo sát việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh: Sở Tư pháp. Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Y Tế, Sở Nội Vụ, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công thương và các Sở, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Hình thức kiểm tra, điều tra, khảo sát: Kiểm tra, điều tra, khảo sát trực tiếp hoặc các hình thức khác phù hợp với điều kiện thực tiễn (*cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra, điều tra, khảo sát được xác định cụ thể trong Kế hoạch kiểm tra, điều tra, khảo sát*).

- Thời gian thực hiện: Quý II, III năm 2026.

- Sản phẩm: Kết luận kiểm tra, kết quả điều tra, khảo sát.

2. Theo dõi việc thi hành văn bản QPPL trong các lĩnh vực của tỉnh

a) Nội dung thực hiện

Căn cứ Nghị quyết số 592/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026; Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Sơn La năm 2026 và thực tiễn thi hành pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực, các Sở, ban, ngành lựa chọn lĩnh vực cụ thể, ban hành kế hoạch và tổ chức theo dõi việc thi hành văn bản QPPL.

b) Cơ quan thực hiện

Các sở, ban, ngành chủ trì thực hiện theo dõi việc thi hành văn bản QPPL trong lĩnh vực ngành, địa phương quản lý.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2026 (*đối với Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản QPPL của các cơ quan, ban hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Sơn La năm 2026 được ban hành*).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện theo dõi việc thi hành văn bản QPPL được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi năm 2026 của các cơ quan, đơn vị địa phương (*giao tại Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026*).

2. Việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành

- Chủ động ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện theo dõi việc thi hành văn bản QPPL trong lĩnh vực, ngành, địa phương quản lý.

- Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện theo dõi việc thi hành văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2026.

- Tổng hợp kết quả theo dõi việc thi hành văn bản QPPL vào Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý theo quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

2. Đề nghị Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

Phối hợp trong việc theo dõi việc thi hành văn bản QPPL.

3. Sở Tư pháp

- Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tổng hợp kết quả theo dõi việc thi hành văn bản QPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và các lĩnh vực khác của tỉnh vào Báo cáo về tổ chức thi hành pháp luật của tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp theo quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

4. UBND các xã, phường

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện việc theo dõi việc thi hành văn bản QPPL tại địa phương.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành và Chủ tịch UBND các xã, phường tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để hướng dẫn và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 217/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 26 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 10/TTr-VPUB ngày 23 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành

chính trên môi trường điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Sơn La

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 217/QĐ-UBND
ngày 26/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Thực hiện chủ trương của Đảng, Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC), điều kiện đầu tư kinh doanh, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng trên địa bàn tỉnh theo đúng tinh thần Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

b) Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách TTHC góp phần hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, động lực, mục tiêu của sự phát triển; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh.

c) Thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách TTHC, kiểm soát TTHC; đổi mới toàn diện, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bảo đảm công khai, minh bạch và thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi của tỉnh.

d) Tập trung nâng cao chất lượng giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh; đảm bảo 100% TTHC tiếp nhận phải thực hiện số hóa hồ sơ, xử lý đúng quy trình; khắc phục điểm số thấp về công khai minh bạch, số hóa hồ sơ, thực hiện dịch vụ công trực tuyến, nhằm nâng cao điểm số, thứ hạng Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Đẩy mạnh việc công bố, công khai TTHC theo đúng quy định, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giải quyết TTHC, đáp ứng sự hài lòng của cá nhân, tổ chức trong thực hiện TTHC trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Thực hiện đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả, bảo đảm tiến độ, chất lượng các nội dung công việc được xác định trong Kế hoạch này.

b) Bảo đảm thực hiện “05 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm” trong quá trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương phải thật sự quan tâm, quyết liệt chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả, đúng quy định pháp luật về công tác kiểm soát TTHC, nhiệm vụ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện tại cơ quan, địa phương mình; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác kiểm soát TTHC của cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa, các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và địa bàn quản lý để kịp thời biểu dương, khen thưởng hoặc chấn chỉnh, xử lý các hành vi vi phạm trong tiếp nhận, giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; đồng thời, phối hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình thực hiện.

d) Tổ chức triển khai đầy đủ, nghiêm túc các nhiệm vụ được giao, xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường trong quá trình thực hiện kiểm soát TTHC, gắn với việc tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và tiếp nhận, giải quyết TTHC, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền nhằm đảm bảo chất lượng và tiến độ theo đúng quy định.

đ) Tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp tích cực tham gia tìm hiểu, nắm vững các quy định về TTHC, qua đó thực hiện quyền giám sát của mình đối với việc giải quyết TTHC của các cơ quan nhà nước.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

(có Phụ lục ban hành kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 136/2025/NQ HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức chi thực hiện các hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh Sơn La và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào Kế hoạch này, các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương trước ngày 31 tháng 01 năm 2026; báo cáo kết quả thực hiện Kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương định kỳ hằng quý, năm theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp khó khăn, vướng mắc

trong quá trình thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026 trên địa bàn tỉnh Sơn La; yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Phụ lục
NỘI DUNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, TRIỂN KHAI CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG VÀ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
(Ban hành kèm theo Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, BAN HÀNH VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KIỂM SOÁT TTHC				
1	Xây dựng, ban hành các kế hoạch				
1	Kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Trước ngày 31/01/2026	Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường
2	Xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2026 theo ngành, lĩnh vực quản lý và thẩm quyền giải quyết	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Trước ngày 31/01/2026	Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2026 của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường
2.1	Triển khai, thực hiện rà soát, đánh giá TTHC	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Trước ngày 10/9/2026	Tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
2.2	Hoàn thiện báo cáo kết quả rà soát, đánh giá trình cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Trước ngày 10/9/2026	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC năm 2026
2.3	Tổng hợp các kết quả rà soát, đánh giá TTHC năm 2026 của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Trước ngày 15/9/2026	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá năm 2026 của tỉnh; Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC của UBND tỉnh, sáng kiến cải cách TTHC của tỉnh năm 2026
3	Ban hành các văn bản hướng dẫn, phối hợp thực hiện công tác kiểm soát TTHC theo chỉ đạo của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; Kế hoạch; Công văn...
4	Rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan công tác kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử nhằm đảm bảo phù hợp quy định pháp luật hiện hành (nếu có)	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Trong năm 2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh; Quyết định QPPL của UBND tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh
5	Đảm bảo kinh phí cho hoạt động kiểm soát TTHC	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Trong năm 2026	Phân bổ kinh phí hoạt động kiểm soát TTHC năm 2026
II	TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KIỂM SOÁT TTHC				

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
1	Đánh giá tác động, tham gia ý kiến, thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính				
<i>1.1</i>	Đánh giá tác động thủ tục hành chính, bảo đảm các thủ tục được thực hiện đơn giản; cắt giảm tối đa chi phí tuân thủ; phân cấp, phân quyền triệt để; thay thế văn bản giấy bằng việc khai thác thông tin dữ liệu	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Sở Tư pháp; Văn phòng UBND tỉnh	Theo chương trình kế hoạch xây dựng VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính đặc thù
<i>1.2</i>	Tham gia ý kiến đối với quy định TTHC	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh; Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Theo đề nghị của đơn vị được giao chủ trì dự thảo VBQPPL	Văn bản tham gia ý kiến
<i>1.3</i>	Thẩm định, thẩm tra quy định TTHC	Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Theo đề nghị của Sở Tư pháp	Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp
2	Công bố TTHC, danh mục TTHC; danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính, cấp nhật công khai TTHC				
<i>2.1</i>	Công bố TTHC; danh mục TTHC; danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính				
<i>2.1.1</i>	Tham mưu công bố TTHC được VBQPPL Trung ương giao quy định hoặc quy định tại VBQPPL của tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
<i>2.1.2</i>	Tham mưu công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã; TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Các sở, ban, ngành tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
2.2	Cấp nhật, công khai TTHC				

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
2.2.1	Niêm yết công khai TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp	Bộ phận Một cửa các cấp (Trung tâm PVHCC tỉnh, cấp xã); đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Các nội dung TTHC được công khai theo quy định và hình thức khác phù hợp
2.2.2	Cập nhật, công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Nội dung TTHC được cập nhật, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2.3	Công bố TTHC nội bộ; rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ (theo Nghị quyết số 66/NQ-CP về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026)				
2.3.1	Công bố TTHC nội bộ	Các sở, ban, ngành tỉnh;	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Tờ trình của các sở, ban, ngành; Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
2.3.2	Rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ	Các sở, ban, ngành tỉnh;	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Tờ trình, báo cáo của các sở, ban, ngành; Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh thông qua Phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ
3	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính, TTHC bằng văn bản và trên Hệ thống thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính (https://pakn.dichvucong.gov.vn)				
3.1	Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn, địa chỉ của Văn phòng UBND tỉnh, email, website và số điện thoại tiếp nhận	Bộ phận Một cửa các cấp; các đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Nội dung hướng dẫn PAKN được công khai trên bảng niêm yết theo

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	phân ánh, kiến nghị tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ TTHC	TTHC			quy định
3.2	Tham mưu UBND tỉnh tổ chức tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả xử lý PAKN theo quy định	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên	Văn bản trả lời hoặc văn bản chuyển PAKN; kết quả xử lý PAKN được công khai trên Hệ thống
III	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG TRONG GIẢI QUYẾT TTHC				
1	Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia và các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Văn bản của UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh
2	Rà soát, trình phê duyệt danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Các sở, ban, ngành tỉnh;	Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm 2026	Quyết định phê duyệt danh mục TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến của Chủ tịch UBND tỉnh
3	Thông báo kết quả thực hiện đánh giá giải quyết TTHC theo Quyết định số 766/QĐ-TTg và các văn bản có liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Định kỳ hàng tháng và năm	Báo cáo của Văn phòng UBND tỉnh
IV	THỰC HIỆN TTHC TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ				
1	Tổ chức thực hiện số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Thành phần hồ sơ; kết quả giải quyết TTHC được số hóa

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
2	Rà soát, tái cấu trúc quy trình; điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết TTHC, nâng TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần; tham mưu ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần và tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên và theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên địa bàn tỉnh
3	Thực hiện tiếp nhận, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong giải quyết thủ tục hành chính	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	Hồ sơ TTHC được tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa bất kỳ, không phụ thuộc vào địa giới hành chính
V	CẮT GIẢM ĐƠN GIẢN HÓA TTHC LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 66/NQ-CP				
1	Cắt giảm, đơn giản hóa 100% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không cụ thể, không rõ ràng; bãi bỏ 100% điều kiện đầu tư kinh doanh của các ngành, nghề không thuộc danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư tại các Văn bản QPPL của địa phương	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm 2026	Báo cáo kết quả (kèm theo hồ sơ dự thảo Quyết định phê duyệt Phương án đơn giản hóa TTHC)
2	Cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính; 100% thủ tục hành chính quy	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm 2026	Báo cáo kết quả (kèm theo hồ sơ dự thảo Quyết định phê duyệt Phương

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
	định tại quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng phải được công bố, rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa; 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện điện tử				án đơn giản hóa TTHC)
3	100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm 2026	Báo cáo kết quả thực hiện
4	Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm 2026	Báo cáo kết quả thực hiện
5	Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên (chỉ áp dụng đối với các thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính và đủ điều kiện thực hiện thanh toán trực tuyến)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm 2026	Báo cáo kết quả thực hiện
6	100% TTHC đủ điều kiện được thực hiện trực tuyến toàn trình	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Trong năm 2026	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt 100% TTHC đủ điều kiện thực hiện trực tuyến toàn trình

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
VI	THÔNG TIN, TUYẾN TRUYỀN VỀ CẢI CÁCH TTHC, KIỂM SOÁT TTHC				
1	Tuyến truyền về kết quả cải cách TTHC, kiểm soát TTHC của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thường xuyên	Tin, bài phản ánh về tình hình kết quả hoạt động kiểm soát TTHC
2	Thực hiện tuyến truyền để tăng tỷ lệ người dân thực hiện các dịch vụ công trực tuyến và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; 100% hồ sơ TTHC đã giải quyết thành công được số hóa, lưu trữ và có giá trị tái sử dụng	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thường xuyên	Văn bản triển khai thực hiện tuyến truyền
3	Chỉ đạo Tổ công nghệ số cộng đồng tích cực tuyên truyền hướng dẫn từng người sử dụng dịch vụ công trực tuyến	UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ; Đoàn Thanh niên; Hội Phụ nữ tỉnh.	Năm 2026	Xây dựng các đợt cao điểm; các sự kiện sử dụng dịch vụ công theo chuyên đề
VII	KIỂM TRA CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTHC				
1	Xây dựng và trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập Đoàn kiểm tra định kỳ và đột xuất	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Theo Kế hoạch của UBND tỉnh hoặc tổ chức kiểm tra đột xuất khi có phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp	Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra
2	Thực hiện kiểm tra định kỳ công tác kiểm soát TTHC theo kế hoạch	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường		Thông báo kết luận kiểm tra
3	Thực hiện kiểm tra đột xuất hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC tại các cơ quan trên địa bàn tỉnh khi có phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường		Thông báo kết luận kiểm tra

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
VIII	TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ KIỂM SOÁT TTHC VÀ TRAO ĐỔI, HỌC TẬP KINH NGHIỆM				
1	Tham gia tập huấn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông... do Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	Công chức đầu mối kiểm soát TTHC; công chức Một cửa	Theo giấy mời; chương trình	Văn bản cử tham gia tập huấn
2	Tổ chức hoặc lồng ghép tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC, cơ chế một cửa, một cửa liên thông... cho công chức đầu mối kiểm soát TTHC và công chức một cửa trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Trong năm 2026	Chương trình, kế hoạch tập huấn, tài liệu tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ
3	Trao đổi, học tập kinh nghiệm hoạt động kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC giữa các đơn vị trong tỉnh, với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Trong năm	Tổ chức trao đổi, học tập kinh nghiệm về nghiệp vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC ở các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương
XI	CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTHC				
1	Báo cáo định kỳ quý I, II, III và năm về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Báo cáo quý I, II, III và báo cáo năm 2026	Báo cáo của các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp xã

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm
2	Tổng hợp Báo cáo định kỳ quý I, II, III và năm về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Báo cáo quý I, II, III và báo cáo năm 2026	Báo cáo của UBND tỉnh
3	Báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ, Bộ ngành liên quan	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	Theo yêu cầu	Báo cáo của UBND tỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 239/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 27 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch tuyên truyền
công tác cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3350/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Sơn La năm 2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 63/TTr-SNV ngày 20 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2026.

(có Kế hoạch ban hành kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Công

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Tuyên truyền công tác cải cách hành chính tỉnh Sơn La năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước; các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác CCHC. Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể, công chức, viên chức trong việc tổ chức triển khai thực hiện công tác CCHC.

b) Thông tin, tuyên truyền CCHC sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC); xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Tạo chuyển biến tích cực hơn nữa về tinh thần, thái độ làm việc, ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ.

c) Nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng của CCHC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, tạo được sự đồng thuận của người dân, tổ chức và xã hội trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC.

d) Tăng cường công tác phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan truyền thông, báo chí; bảo đảm những thông tin về tình hình triển khai và kết quả thực hiện CCHC trên địa bàn tỉnh được phản ánh đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng. Nâng cao năng lực, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, phóng viên phụ trách đưa tin, bài, phóng sự về công tác CCHC.

2. Yêu cầu

a) Công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, bằng nhiều hình thức, nội dung phong phú gắn với triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội; đảm bảo kịp thời, đầy đủ, đáp ứng nhu cầu nắm bắt, tìm hiểu thông tin về CCHC của cán bộ, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

b) Tuyên truyền về CCHC phải gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương và thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch CCHC của tỉnh năm 2026.

c) Tăng cường các lực lượng tham gia công tác tuyên truyền; kết hợp công tác tuyên truyền về CCHC lồng ghép với phổ biến, tuyên truyền, giáo dục về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tận dụng tối đa lợi thế của các ứng dụng mạng xã hội, các nền tảng số, trí tuệ nhân tạo (AI), trợ lý ảo trong công tác tuyên truyền.

3. Đối tượng

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, các doanh nghiệp và mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN

1. Nội dung

a) Tầm quan trọng, ý nghĩa, mục tiêu và tác động tích cực của công tác CCHC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quyết tâm chính trị thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2026. Vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập đối với việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC.

b) Tuyên truyền các mục tiêu và giải pháp của tỉnh về nâng cao hiệu quả công tác CCHC, nhằm duy trì và cải thiện kết quả các chỉ số: Chỉ số CCHC (PAR INDEX); Chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS); Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI); Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Chuyển đổi số (DTI)...

c) Tuyên truyền tình hình triển khai, tiến độ, kết quả thực hiện Chương trình tổng thể CCHC giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ; Kế hoạch CCHC năm 2026 của UBND tỉnh; các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 của Chính phủ và của tỉnh.

d) Tình hình triển khai, kết quả thực hiện cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử theo quy định của Chính phủ; tình hình thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

đ) Tuyên truyền kết quả sắp xếp, tinh gọn bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước và thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; kết quả triển khai cải cách công vụ, công chức. Các quy định của pháp luật về quản lý, tuyển dụng, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống hành chính; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện công vụ, nhiệm vụ, đặc biệt là trong giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức,

cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo yêu cầu chất lượng cho việc thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

e) Tuyên truyền công tác quản lý, điều hành ngân sách của tỉnh; việc đổi mới trong cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; việc thực hiện quy chế dân chủ và công khai tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

g) Tuyên truyền, biểu dương cách làm hay, tấm gương tiêu biểu, các tổ chức, tập thể xuất sắc, các sáng kiến, ý tưởng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh; phản ánh các ý kiến, góp ý, của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với công tác CCHC của tỉnh, cũng như những vấn đề bất cập, tồn tại, khó khăn trong công tác CCHC.

2. Hình thức

a) Thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La; hệ thống phát thanh, truyền thanh; Cổng/Trang Thông tin điện tử của tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

b) Tổ chức hội nghị, tập huấn, quán triệt nội dung, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ CCHC nhà nước cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; lồng ghép nội dung CCHC trong các cuộc họp giao ban, phiên họp thường kỳ của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường.

c) Tổ chức tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; chính sách khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp; tổ chức các buổi tọa đàm, gặp gỡ, trao đổi, giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp.

d) Duy trì, tăng cường sử dụng các nền tảng mạng xã hội như trang Zalo Official Account (OA), Facebook, Tiktok... để thông tin, tuyên truyền CCHC; tương tác với tổ chức, doanh nghiệp, công dân trong quá trình giải quyết TTHC.

đ) Phát hành Bản tin điện tử CCHC của Văn phòng Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 với số lượng 04 số/tháng và đăng tải trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

i) Hàng tháng, đăng tin, bài về công tác CCHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

k) Các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác phù hợp với đặc điểm, tình hình của cơ quan, đơn vị.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí cho công tác thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2026 được đảm bảo bằng ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ tuyên truyền về CCHC chủ động bố trí kinh phí để triển khai thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì theo kế hoạch

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này, bám sát tình hình thực tế, chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền CCHC (*thời gian ban hành Kế hoạch chậm nhất ngày 05 tháng 02 năm 2026*) và tổ chức thực hiện ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc đẩy mạnh công tác tuyên truyền về CCHC, tăng cường công tác tự kiểm tra CCHC.

- Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì theo Kế hoạch có trách nhiệm tham mưu, triển khai thực hiện đúng tiến độ nhiệm vụ được giao.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chỉ đạo tuyên truyền đầy đủ các nội dung CCHC tại cơ quan, đơn vị; đảm bảo các nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp, hiệu quả.

- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác tuyên truyền CCHC, cùng với nội dung báo cáo về công tác CCHC qua Sở Nội vụ (*lồng ghép vào báo cáo công tác CCHC định kỳ hoặc báo cáo chuyên đề theo yêu cầu*), đề theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

- Hàng tháng, mỗi sở, ban, ngành, có ít nhất 02 tin, bài; UBND các xã, phường ít nhất 01 tin, bài về công tác CCHC được đăng trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (*địa chỉ: banbientap@sonla.gov.vn*).

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì tham mưu với UBND tỉnh trong công tác triển khai thực hiện Kế hoạch này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường trong việc tổ chức thực hiện; tổng hợp, báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền CCHC trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm để gửi Bộ Nội vụ theo quy định (*lồng ghép vào báo cáo công tác CCHC*).

- Tham mưu tổ chức lớp tập huấn, nhằm định hướng và nâng cao nhận thức cho đội ngũ công chức, viên chức về công tác CCHC.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo và phát thanh, truyền hình Sơn La; hệ thống phát thanh, truyền thanh; Cổng/Trang Thông tin điện tử của tỉnh.

3. Sở Tài chính

- Điều hành dự toán cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền CCHC được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu tổ chức đối thoại của lãnh đạo UBND tỉnh với doanh nghiệp định kỳ 2 lần/năm để trao đổi, giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tổ chức hoạt động cấp tỉnh hưởng ứng ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026; xây dựng phóng sự phát thanh, truyền hình tuyên truyền về thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Sơn La.

- Phối hợp với đơn vị chủ trì, đơn vị cung cấp dịch vụ đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định hạ tầng kỹ thuật Trang Thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong CCHC; ứng dụng và nhân rộng các sáng kiến, giải pháp về CCHC mang lại hiệu quả cho hoạt động quản lý nhà nước.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tuyên truyền và phổ biến đến người dân, doanh nghiệp về mục đích, ý nghĩa của công tác kiểm soát TTHC; quyền được phản ánh kiến nghị về những thắc mắc, khó khăn trong khi thực hiện TTHC.

- Chịu trách nhiệm thẩm định nội dung đối với các tin bài, sản phẩm, hoạt động tuyên truyền về CCHC do các cơ quan, đơn vị gửi về và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng Chuyên mục “Thông tin cải cách hành chính” trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; hướng dẫn các cá nhân, tổ chức khai thác và sử dụng thông tin về TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC từ cổng Dịch vụ công quốc gia.

6. Sở Tư pháp

Lồng ghép tuyên truyền về CCHC vào chương trình tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh.

7. Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La, các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng phát sóng các chương trình về CCHC; tăng cường số lượng những tin, bài về CCHC trong các chương trình Thời sự và bản tin khác; phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong việc duy trì các Chuyên mục CCHC trên sóng phát thanh và truyền hình, tăng cường các buổi đối thoại về CCHC, biên dịch ra tiếng dân tộc (Thái, Mông).

- Phát huy hiệu quả của các chuyên trang, chuyên mục về CCHC; tăng cường tần suất các tin, bài nghiên cứu, trao đổi về CCHC trên các số báo thường kỳ (kể cả báo in và báo điện tử).

- Xây dựng chương trình theo hình thức mới nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về CCHC cho các tầng lớp nhân dân.

8. Đề nghị Trường Chính trị tỉnh

Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy đảm bảo việc lồng ghép các nội dung CCHC của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ và kế hoạch CCHC hằng năm trên địa bàn tỉnh vào chương trình giảng dạy phù hợp với các đối tượng học viên.

9. Đề nghị Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Phối hợp với các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những nội dung của Chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ, của tỉnh đến các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên, người lao động để cùng chung tay phối hợp thực hiện tốt công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.

10. Trung tâm Phục vụ Hành chính công - Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp với các cơ quan liên quan đăng tải, tuyên truyền các video clip hướng dẫn tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp truy cập vào cổng dịch vụ công Quốc gia; trang dịch vụ công trực tuyến để thực hiện các dịch vụ công trực tuyến một phần, dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cách tra cứu danh mục TTHC; quy trình giải quyết TTHC, thực hiện thanh toán phí, lệ phí trực tuyến và các dịch vụ hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong giải quyết các TTHC.

Trên đây là Kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC tỉnh Sơn La năm 2026, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh trực tiếp về Sở Nội vụ (*là cơ quan thường trực của UBND tỉnh về cải cách hành chính*) để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 333/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý
cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

Căn cứ Quyết định số 1100/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên Hợp quốc về quyền của người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật;

Căn cứ Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại tờ trình số 06/TTr-STP ngày 09 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý năm 2026.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tăng cường việc triển khai có hiệu quả chính sách, pháp luật trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; tiếp tục nâng cao nhận thức của cộng đồng về các quyền của người khuyết tật bảo đảm người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

- Mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý, bảo đảm người khuyết tật được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo đúng quy định.

- Tăng cường sự phối hợp giữa tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng và các cơ quan, tổ chức liên quan nhằm bảo đảm người khuyết tật được trợ giúp pháp lý kịp thời và hiệu quả.

- Nâng cao năng lực người thực hiện trợ giúp pháp lý và chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát và truyền thông về trợ giúp pháp lý giúp người khuyết tật thuộc diện trợ giúp pháp lý được cung cấp, thụ hưởng các dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí theo đúng quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

- Bám sát nội dung chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật trong Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 - 2030 *(ban hành kèm theo Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)* và Kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hiệp quốc về quyền của người khuyết tật *(ban hành kèm theo Quyết định số 1100/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*; Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật *(được phê duyệt tại Quyết định số 753/QĐ TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ)*; bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 và tình hình thực tế tại địa phương.

- Tăng cường và đẩy mạnh cơ chế phối hợp liên ngành, bảo đảm sự tham gia chặt chẽ, thường xuyên của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong hoạt động trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.

- Việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật phải bảo đảm tính khả thi, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn tại địa phương. Có thể lồng ghép các hoạt động trợ giúp pháp lý với các chương trình hỗ trợ pháp lý khác hoặc các Chương trình mục tiêu quốc gia, nhằm tối ưu hóa nguồn lực và bảo đảm hiệu quả bền vững.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ

1. Thực hiện trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý

a) Hoạt động 1: Tăng cường thực hiện các vụ việc trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý, trong đó ưu tiên xử lý những vụ việc liên quan đến người khuyết tật là nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số là nạn nhân trong các vụ việc bạo lực, mua bán người và các hành vi xâm hại khác.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý).

- Đơn vị phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ, trại giam, UBND cấp xã, Hội người khuyết tật, các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở kinh doanh, các tổ chức khác của người khuyết tật và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Bảo đảm 100% người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý được tiếp cận và thụ hưởng đầy đủ dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật; hồ sơ các vụ việc trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật.

b) Hoạt động 2: Rà soát, bổ sung, công bố, cung cấp danh sách tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ và trại giam, UBND cấp xã, Đoàn Biên phòng, Hội người khuyết tật, các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở kinh doanh, các tổ chức khác của người khuyết tật để phát hiện nhu cầu trợ giúp pháp lý và giới thiệu người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước khi họ có yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý).

- Đơn vị phối hợp: Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ và trại giam, UBND cấp xã, Đoàn Biên phòng, Hội bảo trợ tỉnh, các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở kinh doanh, các tổ chức khác của người khuyết tật và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Danh sách tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý được gửi đến cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ sở

giám giữ và trại giam, UBND cấp xã, Đoàn Biên phòng, Hội bảo trợ tỉnh, các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở kinh doanh, các tổ chức khác của người khuyết tật.

2. Thực hiện đa dạng hóa các hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý bằng nhiều hình thức phù hợp cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý

a) Hoạt động 1: Truyền thông về pháp luật trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật, hoạt động trợ giúp pháp lý và quyền được trợ giúp pháp lý cho người dân, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, trong đó có người khuyết tật.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý).

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Các đợt truyền thông được thực hiện.

b) Hoạt động 2: Truyền thông về quyền của người khuyết tật và quyền được trợ giúp pháp lý của người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý, các vụ việc tham gia tố tụng thành công trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức truyền thông khác phù hợp với các dạng tật của người khuyết tật.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý).

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan truyền thông và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Các sản phẩm truyền thông được thực hiện (*xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, báo chí, kênh truyền thông mạng xã hội...*).

c) Hoạt động 3: Nghiên cứu, xây dựng, biên soạn các tài liệu truyền thông kết hợp xây dựng tài liệu truyền thông điện tử về quyền và dịch vụ trợ giúp pháp lý phù hợp với từng dạng khuyết tật (*khuyết tật nhìn, khuyết tật nghe, khuyết tật vận động, khuyết tật trí tuệ, khuyết tật thần kinh và các dạng tật khác*) và hướng dẫn cách thức yêu cầu trợ giúp pháp lý khi có vướng mắc pháp lý.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý).

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan tiến hành tố tụng, Nhà tạm giữ, Trại tạm giam, Hội bảo trợ tỉnh, các cơ sở trợ giúp xã hội, trường học, cơ sở kinh doanh và các tổ chức khác của người khuyết tật.

- Thời gian thực hiện: Quý I năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Tờ gấp pháp luật có nội dung về chính sách trợ giúp pháp lý và quyền được trợ giúp pháp lý của người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý cấp phát cho các cơ quan tiến hành tố tụng, Nhà tạm giữ, Trại tạm 4 giam; Hội bảo trợ tỉnh, các cơ sở trợ giúp xã hội, trường học, cơ sở kinh doanh và các tổ chức khác của người khuyết tật.

d) Hoạt động 4: Đẩy mạnh truyền thông trợ giúp pháp lý trên Cổng Thông tin điện tử Sở Tư pháp, trang Fanpage của Trung tâm, website và mạng xã hội; sản xuất và đăng tải video ngắn, tin bài viết... hướng dẫn về quyền được trợ giúp pháp lý và cách gửi yêu cầu trợ giúp pháp lý trực tuyến.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý).

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan truyền thông và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Các sản phẩm truyền thông về trợ giúp pháp lý được sản xuất, đăng tải và lưu trữ trên môi trường số.

3. Hưởng ứng “Ngày Người khuyết tật Việt Nam” và “Ngày Quốc tế người khuyết tật” Tổ chức các hoạt động về trợ giúp pháp lý, Đăng tải các tin, bài viết về người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý, đặc biệt trong dịp kỷ niệm Ngày Người khuyết tật Việt Nam (ngày 18 tháng 4) và Ngày Quốc tế về Người khuyết tật (ngày 03 tháng 12) trên Báo và phát thanh, Truyền hình Sơn La; trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý).

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Đăng tải tin, bài viết về người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý trên Báo và phát thanh, Truyền hình Sơn La; trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp...

4. Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người làm công tác trợ giúp pháp lý

a) Hoạt động 1: Xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý về kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý).

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Các chương trình, tài liệu, lớp tập huấn, các đợt bồi dưỡng kiến thức về trợ giúp pháp lý được thực hiện (lồng ghép).

b) Hoạt động 2: Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về trợ giúp pháp lý cho người có uy tín trong cộng đồng, người làm công tác xã hội, cán bộ cơ sở, quyền được trợ giúp pháp lý của người người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

- Đơn vị chủ trì: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

- Đơn vị phối hợp: UBND các xã, phường, Hội bảo trợ người khuyết tật.

- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Tổ chức 02 lớp huấn kiến thức trợ giúp pháp lý về người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

5. Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý

Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý IV, năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Các văn bản hướng dẫn, kết quả kiểm tra.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật

a) Hoạt động 1: Cập nhật hồ sơ việc, vụ việc trợ giúp pháp lý, thông tin tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý (người khuyết tật) lên Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý).

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Hồ sơ vụ việc trợ giúp pháp lý của người khuyết tật và các thông tin tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý, người được trợ giúp pháp lý (người khuyết tật) được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời lên phần mềm quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý; hình thành bộ dữ liệu thống nhất phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo và xây dựng chính sách liên quan đến người khuyết tật trong trợ giúp pháp lý.

b) Hoạt động 2: Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và triển khai dự án đầu tư công Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện và quản lý trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý).

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2026.

- Kết quả đầu ra: Dự án Hệ thống thông tin trợ giúp pháp lý được triển khai giúp người dân là đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý sớm khi có nhu cầu trợ giúp pháp lý; giúp người khuyết tật dễ dàng tìm kiếm thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, thủ tục yêu cầu và địa chỉ các

tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý; cho phép người khuyết tật (hoặc người thân thích) xác định bản thân có phải là đối tượng được trợ giúp pháp lý không và gửi yêu cầu trợ giúp pháp lý một cách nhanh chóng, linh hoạt (có thể thông qua môi trường số).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý thực hiện theo Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo Bộ Tư pháp, UBND tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch này.

- Chỉ đạo Trung tâm trợ giúp pháp lý tham mưu, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch này.

2. Đề nghị Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc của ngành thực hiện việc giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý) khi họ có yêu cầu trợ giúp pháp lý.

3. Báo và Phát thanh, truyền hình Sơn La

Phối hợp với Sở Tư pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông về trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật, người khuyết tật có khó khăn về tài chính nhất là ngày Quốc tế Người khuyết tật (03/12/2026) bằng các hình thức phù hợp.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch này, đồng thời giới thiệu người khuyết tật, người khuyết tật có khó khăn về tài chính trên địa bàn tỉnh Sơn La đến Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý) khi có yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc tổ chức, triển khai thực hiện; trong quá trình triển khai thực hiện, có phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp) để xem xét, giải quyết./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 357/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh kết quả phân định thôn/bản vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi, thôn/bản đặc biệt khó khăn phê duyệt tại
Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Báo cáo 04/BC-HĐTD ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng thẩm định về kết quả điều chỉnh số lượng bản DTTS, bản miền núi và bản đặc biệt khó khăn đã được công nhận tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 05/TTr-SDTTG ngày 26 tháng 01 năm 2026;

Ý kiến tán thành của các thành viên UBND tỉnh tại Phiên họp thứ 55 - UBND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kết quả phân định thôn/bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn/bản đặc biệt khó khăn phê duyệt tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh Sơn La, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh số lượng bản đặc biệt khó khăn, bản miền núi

- Số lượng bản đặc biệt khó khăn: xã Long Hẹ 19 bản; xã Mường É 25 bản. Tổng số bản đặc biệt khó khăn toàn tỉnh: 1.205 bản.

- Số lượng bản miền núi: Xã Mường La 48 bản. Tổng số bản miền núi toàn tỉnh: 2.227 bản.

2. Điều chỉnh số bản dân tộc thiểu số

Xã Yên Châu 53 bản, xã Chiềng Hặc 40 bản. Tổng số bản dân tộc thiểu số toàn tỉnh: 2.040 bản.

3. Điều chỉnh, đính chính

- Điều chỉnh bản đặc biệt khó khăn: Điều chỉnh 10 bản tại 02 xã (xã Quỳnh Nhai: 02 bản, xã Chiềng La: 08 bản).

- Điều chỉnh bản dân tộc thiểu số: Điều chỉnh 8 bản của 3 xã (xã Đoàn Kết: 02 bản; xã Chiềng Mai: 04 bản; xã Muối Nổi: 02 bản).

- Đính chính tên bản: Tại 3 bản của 3 xã (xã Lóng Sập: 01 bản; xã Mường Bú: 01 bản; xã Gia Phù: 01 bản).

(có Biểu điều chỉnh chi tiết kèm theo)

4. Điều chỉnh

- Phần a, điểm 1, Điều 1, Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh: Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 2.233/2.233 thôn/bản.

- Phần b, điểm 1, Điều 1, Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh: Thôn, bản đặc biệt khó khăn: 1.205 thôn/bản.

5. Các nội dung khác

Giữ nguyên theo Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các tài liệu, số liệu liên quan và kết quả xác định, phân định trên địa bàn; cập nhật đầy đủ thông tin, dữ liệu vào phần mềm quản lý theo yêu cầu của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

2. Chủ động kịp thời cập nhật thông tin trong quá trình rà soát, đánh giá, công bố danh sách tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

DANH SÁCH

**Điều chỉnh phân định thôn/bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi, thôn/bản đặc biệt khó khăn phê duyệt tại Quyết định
số 68/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La**
(Kèm Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên xã	Tên thôn/bản	Thôn thuộc vùng		Bản Đặc biệt khó khăn
			Miền núi	Dân tộc thiểu số	
1	Xã Mường É				
		Bản Lũa	DTTS	MN	ĐBKK
2	Xã Long Hẹ				
		Bản Nà Lanh	DTTS	MN	ĐBKK
		Bản Nong Lạnh	DTTS	MN	ĐBKK
		Bản Thẩm Ổn	DTTS	MN	ĐBKK
		Bản Long Hẹ	DTTS	MN	ĐBKK
		Bản Pú Chứn	DTTS	MN	ĐBKK
		Bản Cha Mạy	DTTS	MN	ĐBKK
3	Xã Mường La				
		Tiểu khu Hua Ít	DTTS	MN	
		Tiểu khu 2	DTTS	MN	
		Tiểu khu 4	DTTS	MN	
4	Xã Yên Châu				
		Bản Chiềng Kim		MN	
		Bản Chiềng phú		MN	
		Bản Thông Phiêng		MN	
		Tiểu khu 7		MN	
5	Xã Chiềng Hạc				
		Bản Đoàn Kết		MN	
6	Xã Quỳnh Nhai				
		Bản Ca	DTTS	MN	
		Bản Khoang	DTTS	MN	ĐBKK
7	Xã Chiềng La				

TT	Tên xã	Tên thôn/bản	Thôn thuộc vùng		Bản Đặc biệt khó khăn
			Miền núi	Dân tộc thiểu số	
		Bản Bó Mạ	DTTS	MN	ĐBKK
		Bản Huổi Lọng	DTTS	MN	ĐBKK
		Bản Liên Minh	DTTS	MN	ĐBKK
		Bản Quyết Thắng	DTTS	MN	
		Bản Bay	DTTS	MN	
		Bản Cọ	DTTS	MN	
		Bản Huổi Lán	DTTS	MN	ĐBKK
		Bản Nà Cưa	DTTS	MN	
8	Xã Đoàn Kết				
		Bản Tà Lọt	DTTS	MN	ĐBKK
		Tiểu Khu 3		MN	
9	Xã Chiềng Mai				
		Thôn 2 Hoàng Văn Thụ		MN	
		Bản Cơi Quỳnh	DTTS	MN	
		Tiểu khu Ngã Ba		MN	
		Bản Ban	DTTS	MN	
10	Xã Muối Nọi				
		Bản Đông Hưng		MN	ĐBKK
		Bản Thán Sàng	DTTS	MN	ĐBKK
11	Xã Lóng Sập				
		Bản Bó Sập	DTTS	MN	
12	Xã Mường Bú				
		Bản Pá Tong 2	DTTS	MN	ĐBKK
13	Xã Gia Phù				
		Bản Lìn	DTTS	MN	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBMTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com